

Xã hội dân sự tại Việt Nam:

**Nghiên cứu so sánh về các tổ chức xã hội dân sự
tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh**

William Taylor, Nguyễn Thu Hằng, Phạm Quang Tú, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết



The Asia Foundation

Hà Nội

Tháng 10 năm 2012

LỜI NÓI ĐẦU

Xã hội dân sự là một phần không thể tách rời của mọi xã hội nói chung, là nơi các công dân cùng nhau tham gia vào các vấn đề có tác động đến cuộc sống của họ cũng như sự phát triển của các cộng đồng. Quỹ Châu Á ngay từ khi mới mở văn phòng của mình tại Hà Nội vào năm 2000 đã hỗ trợ nhiều chương trình nghiên cứu, xây dựng năng lực và tăng cường sự tham gia của người dân với mục tiêu là tạo điều kiện thuận lợi cho các mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội phát triển hiệu quả hơn tại Việt Nam. Quỹ đã hỗ trợ các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam (CSO) thực hiện các cuộc tham vấn công chúng nhằm thu thập thông tin hữu ích cho việc soạn thảo nhiều bộ luật. Đồng thời mối quan hệ đối tác lâu năm của chúng tôi với Văn phòng Quốc hội (VPQH) đã cho phép Quỹ đi tiên phong trong các hoạt động đào tạo dành cho các đại biểu Quốc hội về kỹ năng tham vấn công chúng và phát triển trang mạng thông tin của Quốc hội tại địa chỉ www.duthaoonline.quochoi.vn, nơi tất cả các dự thảo luật hiện nay đều đã được đưa lên để xin ý kiến đóng góp từ người dân.

Nhận thấy sự phát triển của xã hội dân sự ở Việt Nam còn trong giai đoạn khởi đầu non trẻ, năm 2008 Quỹ đã tiến hành một cuộc khảo sát và phỏng vấn chuyên sâu với 79 tổ chức phi chính phủ (NGO) có đăng ký hoạt động để tìm hiểu cơ cấu tổ chức cũng như nhu cầu của họ. Đánh giá sau đó đã cho thấy sự tăng trưởng nhanh chóng của khu vực này trong vài năm trở lại đây, với sự ra đời của nhiều NGO chỉ trong vòng một thập kỷ vừa qua. Khảo sát này cũng giúp Quỹ có được những dữ liệu cơ sở về hoạt động của các NGO, cung cấp thông tin cho các hoạt động tiếp theo của chúng tôi trong việc phát triển và thực hiện các chương trình xây dựng năng lực cho các NGO trong phát triển tổ chức, huy động sự tham gia của người dân và vận động chính sách trong giai đoạn 2009-2011.

Trong quá trình hỗ trợ các sáng kiến xây dựng năng lực tổ chức và vận động chính sách, cũng như thực hiện các nghiên cứu về hoạt động nhân đạo ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy có một sự khác biệt thú vị giữa các tổ chức xã hội dân sự theo vùng miền¹. Dự cảm về sự khác biệt giữa xã hội dân sự ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (TPHCM) đã đưa Quỹ đến với nghiên cứu so sánh các CSO ở hai khu vực dân cư lớn nhất cả nước này. Với thực tế là hầu hết các CSO đều nằm ở một trong hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, việc am hiểu sâu sắc về các tổ chức này có thể giúp hiểu rõ hơn về tổng thể xã hội dân sự ở Việt Nam. Hà Nội và TP Hồ Chí Minh còn lần lượt là các trung tâm chính trị và thương mại của Việt Nam, và một phân tích so sánh có thể giúp làm rõ hơn các bối cảnh lịch sử, môi trường chính sách, các mô hình tổ chức và khả năng huy động tài trợ khác nhau ở hai vùng đô thị lớn này. Chúng tôi hy vọng rằng nghiên cứu này sẽ đóng góp vào những hiểu biết tuy còn chưa nhiều nhưng đang tăng dần về xã hội dân sự Việt Nam, cũng như đóng góp thêm thông tin cho quá trình hoạch định các chính sách liên quan và khởi tạo các sáng kiến nhằm phát triển xã hội dân sự tại Việt Nam.

Các đồng nghiệp trong Quỹ Châu Á là William Taylor và Nguyễn Thu Hằng đã làm việc trong vai trò dẫn dắt với một nhóm các nhà nghiên cứu Việt Nam tại hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh để thiết kế và thực hiện nghiên cứu này. Các nhóm nghiên cứu của Phạm Quang Tú và Huỳnh Thị Ngọc Tuyết đã tiến hành công việc khảo sát và phân tích rất có giá trị, với sự hỗ trợ của Hoàng Xuân Diễm, Hoàng Anh Dũng, Vũ Thị Nga, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Cúc Trâm, và Nguyễn Thị Bảo Hà. Chúng tôi xin cảm ơn và ghi nhận hỗ trợ của Elliot Waldman trong việc biên tập báo cáo. Cuối cùng tôi cũng muốn được bày tỏ lòng biết ơn của chúng tôi đối với các lãnh đạo và nhân viên của các CSO đã chia sẻ với chúng tôi về những tầm nhìn và triển vọng quan trọng đối với tổ chức của họ cũng như về tình hình chung của xã hội dân sự tại Việt Nam.

Tiến sĩ Ninh Ngọc Bảo Kim, Trưởng Đại diện Quỹ Châu Á tại Việt Nam

¹ Quỹ Châu Á và Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương Việt Nam, Hoạt động nhân đạo ở Việt Nam (Hà Nội, 2011)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	ii
BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT	v
TÓM LƯỢC BÁO CÁO.....	3
1. PHÂN GIỚI THIỆU.....	3
2. TRỌNG TÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA NGHIÊN CỨU	6
3. CÁC KẾT QUẢ CỦA NGHIÊN CỨU.....	7
3.1 Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và nhân sự.....	7
<i>Các loại hình tổ chức</i>	<i>7</i>
<i>Đăng ký.....</i>	<i>8</i>
<i>Tuổi đời của các CSO trong khảo sát</i>	<i>9</i>
<i>Các nguồn nhân lực và vật lực.....</i>	<i>10</i>
<i>Lãnh đạo và ban quản lý.....</i>	<i>12</i>
3.2 TRỌNG TÂM CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHIẾN LƯỢC.....	14
<i>Hoạch định chiến lược</i>	<i>14</i>
<i>Các lĩnh vực hoạt động</i>	<i>14</i>
<i>Các phương pháp tiếp cận thực hiện chương trình.....</i>	<i>16</i>
3.3 SỰ THAM GIA/HỢP TÁC CÙNG VỚI CÁC KHU VỰC KHÁC	19
<i>Quan hệ tương tác với chính quyền cấp trung ương và địa phương</i>	<i>19</i>
<i>Quan hệ tương tác với khu vực tư nhân.....</i>	<i>20</i>
3.4 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG.....	21
3.5 TÀI TRỢ	22
<i>Các nguồn tài trợ.....</i>	<i>22</i>
<i>An toàn tài chính.....</i>	<i>23</i>
<i>Tác động từ sự góp mặt của nhà tài trợ quốc tế.....</i>	<i>24</i>
3.6 CÁC THÁCH THỨC VÀ HƯỚNG ĐI TRONG TƯƠNG LAI	25
<i>Quy chế hành chính và môi trường pháp lý.....</i>	<i>25</i>
<i>Sự lạc quan của các CSO.....</i>	<i>25</i>
<i>Các nhu cầu phát triển tổ chức.....</i>	<i>27</i>
4. KẾT LUẬN.....	28
DANH MỤC THAM KHẢO	30
PHỤ LỤC: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT	31

Bảng

Bảng 1: Bảng tự nhận biết của các CSO	7
Bảng 2: Tình hình đăng ký của các CSO	8
Bảng 3: Thời gian cho việc đăng ký tổ chức	8
Bảng 4: Số năm hoạt động của các tổ chức	10
Bảng 5: Nhân lực tại các CSO	11
Bảng 6: Các CSO với hội đồng quản trị	12
Bảng 7: Tuổi của các nhà lãnh đạo CSO	13
Bảng 8: Các hình thức hoạt động.....	16
Bảng 9: Các tác động từ sự góp mặt của các nhà tài trợ quốc tế lên xã hội dân sự ở Việt Nam	25

Biểu

Biểu 1: Những thay đổi của tổ chức là kết quả của hoạt động đào tạo	10
Biểu 2: Các tổ chức có sự thay đổi về người lãnh đạo kể từ khi thành lập.....	13
Biểu 3: Các lĩnh vực hoạt động.....	15
Biểu 4: Số tổ chức tham gia vào vận động chính sách, phân theo vùng và loại tổ chức	17
Biểu 5: Sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan trong thực hiện chương trình	19
Biểu 6: Quan hệ với chính quyền trung ương	20
Biểu 7: Các nguồn tài trợ	22
Biểu 8: Ngân sách của các CSO được khảo sát cho năm 2010 (theo USD).....	23
Biểu 9: Sự lạc quan trong xã hội dân sự Việt Nam	26
Biểu 10: Các lĩnh vực cần có sự cải thiện nhiều nhất.....	27

BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AC	Trung tâm Nghiên cứu, Hỗ trợ, và Phát triển Văn hoá
CBO	Tổ chức dựa vào cộng đồng
CODE	Viện Tư vấn và Phát triển
CSO	Tổ chức xã hội dân sự
DOST	Sở Khoa học Công nghệ
DRD	Trung tâm Khuyết tật và Phát triển
INGO	Tổ chức phi chính phủ quốc tế
MOET	Bộ Giáo dục Đào tạo
NGO	Tổ chức phi chính phủ
SDRC	Trung tâm Nghiên cứu Tư vấn Công tác Xã hội và Phát triển Cộng đồng
SEARAV	Hiệp hội Nghiên cứu Khoa học Đông Nam Á ở Việt Nam
SPERI	Viện Nghiên cứu Sinh thái Chính sách Xã hội
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
VNGO	Tổ chức phi chính phủ của Việt Nam
VPQH	Văn phòng Quốc hội
VUAL	Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam
VUFO	Liên hiệp các hội hữu nghị Việt Nam
VUSTA	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

TÓM LƯỢC BÁO CÁO

Dự án nghiên cứu theo phương pháp so sánh này đặt mục tiêu đưa ra một tổng quan về các tổ chức xã hội dân sự (CSO) tại Việt Nam. Nghiên cứu được thực hiện tại hai thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh, cũng là nơi đăng ký của phần lớn các CSO Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã chọn ra 50 CSO ở mỗi thành phố, tiến hành phỏng vấn những người lãnh đạo của các tổ chức đó về nhiều khía cạnh trong hoạt động và phát triển xã hội dân sự. Các phát hiện tập trung vào quản trị xã hội dân sự, trọng tâm chương trình, các phương pháp tiếp cận trong hoạt động, sự hợp tác cùng tham gia với các khu vực khác như doanh nghiệp và chính phủ, mạng lưới hoạt động và nguồn tài trợ.

Bức tranh được vẽ ra cho thấy đây là một trong những khu vực đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng. Nhiều CSO đang chịu ảnh hưởng từ các cuộc khủng hoảng nguồn tài trợ trong các năm vừa qua. Ngân sách hạn chế và không ổn định đã làm giảm năng lực của các CSO trong việc thực hiện các hoạt động, xây dựng các kế hoạch dài hạn mang tính gắn kết và duy trì nhân sự của mình. Những người được phỏng vấn đã kể lại việc cắt giảm nhân sự, thay đổi địa điểm văn phòng và khủng hoảng thiếu ngân sách của tổ chức. Nhiều CSO tiếp tục phụ thuộc vào các nhà tài trợ quốc tế, và hầu hết đều phải vật lộn để tiếp cận với các nguồn tiền công hoặc tư nhằm hỗ trợ cho các hoạt động của mình. Việc giữ các nhân viên giỏi giàu kinh nghiệm cũng đang là một thách thức nghiêm trọng. Những người trẻ tuổi gia nhập tổ chức, tích lũy kinh nghiệm rồi rời bỏ nơi đó để đảm nhận các công việc khác ở khu vực tư nhân hoặc các tổ chức quốc tế. Mức độ thay đổi nhân sự cao đã làm ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch hoạt động và thực hiện chương trình của tổ chức. Thêm vào đó, các tổ chức cũng bày tỏ quan ngại về vấn đề quản lý, quản trị, hoạch định chiến lược và lập kế hoạch trong khi xác định các yếu tố điểm trên vẫn còn là trở ngại lớn cho sự phát triển tổ chức và tầm ảnh hưởng của họ.

Tuy nhiên bất kể có những thách thức nêu trên, những người được phỏng vấn hầu hết đều lạc quan về tương lai của tổ chức của họ cũng như của xã hội dân sự nói chung. 86% số người được hỏi nói rằng họ lạc quan hoặc rất lạc quan về tương lai. Những người tham gia trong cuộc khảo sát cũng cho thấy họ có ý thức mạnh mẽ về sứ mệnh, chuyên môn và sự nhiệt tình trong công việc mà họ theo đuổi cũng như sự linh hoạt để thích nghi với những điều kiện hoạt động đầy tính thách thức. Các CSO đang khai thác nhiều hình thức tài trợ và mô hình hoạt động khác nhau; một số tiến lại gần hơn với khu vực nhà nước, số khác hướng đến các nhà tài trợ quốc tế và ngày càng nhiều tổ chức xem khu vực tư nhân như một nguồn hỗ trợ bền vững. Trong khi có một số ít các CSO lâu năm hoạt động chi phối trên toàn quốc, số đông các tổ chức chính thức cũng như phi chính thức đang tìm nơi để mở rộng các loại hình hoạt động của mình phụ thuộc vào điều kiện cụ thể ở từng địa phương.

Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng nhận thấy có sự đối lập thú vị trong cơ cấu, hoạt động và triển vọng của các CSO giữa Hà Nội và TP Hồ Chí Minh như sau:

- Một tỷ lệ lớn trong mẫu ở TP Hồ Chí Minh bao gồm các tổ chức nhỏ tập trung/dựa vào cộng đồng, khác với các loại hình trung tâm và viện khá phổ biến ở Hà Nội.
- Các CSO ở Hà Nội thường liên kết với các cơ quan của chính phủ nhiều hơn và thường được biến đổi từ một mối quan hệ nào đó trước đây với chính phủ, trong khi các CSO ở TP Hồ Chí Minh lại thường phát triển từ các nhóm xã hội phi chính thức hoặc các tổ chức dựa trên tín ngưỡng.
- Các CSO ở Hà Nội tham gia nhiều hơn trong các vấn đề vận động chính sách trong khi các CSO ở TP Hồ Chí Minh có xu hướng tập trung vào các dịch vụ cho các nhóm thiệt thòi như trẻ em đường phố hay người lao động nhập cư.

- Các CSO ở TP Hồ Chí Minh có vẻ như gặp nhiều khó khăn hơn trong việc đăng ký cho tổ chức của mình tại các cơ quan thẩm quyền hơn là ở Hà Nội.
- Các CSO ở Hà Nội tiếp cận nhiều hơn với các cơ hội đào tạo và nguồn tiền tài trợ và vì vậy tập trung vào các ưu tiên chương trình của các nhà tài trợ. Ngược lại các CSO ở TP Hồ Chí Minh mong muốn có nhiều cơ hội được đào tạo hơn và do thiếu nguồn tiền từ các nhà tài trợ nên họ có xu hướng tìm kiếm sự hỗ trợ từ các khoản đóng góp cá nhân và khu vực tư nhân.

1. PHẦN GIỚI THIỆU

Sự tăng trưởng nhanh chóng trong hai thập kỷ qua đã biến đổi Việt Nam cả về kinh tế và xã hội, nâng cao mức sống và đưa hàng triệu người thoát nghèo. Sự tăng trưởng này tuy nhiên tạo ra những thách thức mới phức tạp hơn cho phát triển, từ sự xuống cấp của môi trường đến gia tăng bất bình đẳng trong thu nhập. Các dịch vụ công cơ bản như y tế, giáo dục và nước sạch đều đang ở trong tình trạng báo động. Chính phủ đang phải cố gắng hết sức để duy trì những tiêu chuẩn chấp nhận được cũng như tạo điều kiện cho mọi công dân được tiếp cận các dịch vụ đó dễ dàng hơn. Ngày càng có nhiều các CSO Việt Nam ra đời để đáp ứng các nhu cầu của quốc gia thông qua nhiều cách tiếp cận, từ các nghiên cứu độc lập, các hoạt động vận động vận động chính sách cho đến các hoạt động từ thiện.

Bản chất của xã hội dân sự ở Việt Nam cho đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi. Không hiếm khi bắt gặp các quan điểm của cả người Việt Nam lẫn người nước ngoài cho rằng ở Việt Nam không có các CSO độc lập. Nhiều tổ chức mang danh là các tổ chức phi chính phủ (NGO) nhưng trên thực tế là các tổ chức bán chính phủ, trong đó có các viện nghiên cứu và các hiệp hội nghề nghiệp. Họ đều nhận một khoản hỗ trợ tài chính mang tính cốt lõi/cơ bản từ nhà nước, nhiều khi hoạt động như một phần của bộ máy hành chính, trong khi có những lúc khác lại tiến hành các nghiên cứu và vận động chính sách độc lập. Tình trạng này có thể làm sai lệch định nghĩa về NGO, tuy nhiên trong bối cảnh hiện tại của sự phát triển xã hội dân sự tại Việt Nam điều quan trọng là nhận ra những hành động và hành vi xã hội dân sự mang ý nghĩa thực sự, ngay cả khi chúng đến từ các tổ chức có liên hệ với nhà nước. Tuy nhiên ngay cả ngoài các tổ chức đó, thập kỷ vừa qua cũng chứng kiến sự tăng vọt về số lượng các CSO năng động và độc lập mà các đóng góp của họ đối với cuộc sống xã hội của đất nước cần phải được ghi nhận.

Sự phát triển của xã hội dân sự tại Việt Nam

Kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần đầu tiên của Việt Nam vào năm 1935, những toan tính của Đảng về các tổ chức xã hội đã tập trung vào phát triển các tổ chức quần chúng. Các tổ chức này duy trì một số lượng lớn thành viên (Hội Phụ nữ 12 triệu thành viên, Hội Nông dân 8 triệu, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam 4,2 triệu, Hội Thanh niên 5,1 triệu, Hội Cựu chiến binh 1,92 triệu), hoạt động thông qua một cơ cấu hành chính rộng lớn tại các cấp trung ương, tỉnh/thành phố, quận/huyện và địa phương, và hiện vẫn đang tiếp tục đóng vai trò áp đảo trong cuộc sống dân sự ở Việt Nam. Các hiệp hội nghề nghiệp cũng bắt đầu hoạt động ở các cấp trung ương và địa phương kể từ khi đất nước giành được độc lập. Tính đến năm 2006 đã có 364 hiệp hội đăng ký hoạt động ở cấp trung ương, bao gồm cả Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (56 hiệp hội), Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam (10 hiệp hội), Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam (60 hiệp hội) cũng như nhiều hiệp hội hoạt động trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau liên quan đến thể thao, kinh tế, từ thiện và kinh doanh². Ở cấp địa phương, các hiệp hội này được đăng ký tại các cơ quan chính quyền địa phương, tuy nhiên dù hoạt động ở cấp quốc gia hay địa phương thì hầu hết các hiệp hội đều dựa vào nguồn trợ cấp của nhà nước. Nếu năm 2001 mới chỉ có khoảng 1.400 hiệp hội ở cấp địa phương thì đến năm 2006, con số này đã tăng lên 4.157³. Ông Thang Văn Phúc, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ, đã từng ước tính đến năm 2010 có khoảng gần 15.000 hiệp hội hoạt động ở Việt Nam⁴.

² Nguyễn Ngọc Lâm, “Quy định pháp lý về tổ chức, quản lý các hiệp hội và các biện pháp sàng lọc” Bài trình bày tại hội thảo được tổ chức bởi Dự án Hỗ trợ Cải cách Tư pháp, Hà Nội 2007.

³ Nguyễn Ngọc Lâm, 2007

⁴ Thang Văn Phúc. “Tổng quan về hội, tổ chức phi chính phủ và thể chế pháp lý cho các tổ chức xã hội ở Việt Nam”. Bài trình bày tại hội thảo các tổ chức phi chính phủ thường niên do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức tại Hà Nội, 20/9/2010.

Mặc dù các tổ chức quần chúng tiếp tục chiếm ưu thế trong không gian dành cho xã hội dân sự, công cuộc Đổi Mới kể từ năm 1986 đã giúp làm chất xúc tác cho một cuộc sống xã hội dân sự đa dạng hơn. Công chúng ngày càng nhận thức rõ hơn về sự đóng góp của các nhà hoạt động phi chính phủ cùng với sự xuất hiện của ngày càng nhiều các CSO tham gia vào các vấn đề khác nhau, từ bảo vệ môi trường đến bình đẳng giới và giảm nhẹ thiên tai. Cần lưu ý rằng tình hình ở miền Nam có sự khác biệt so với miền Bắc, do ở đây truyền thống về công tác xã hội và hoạt động dân sự từ trước năm 1975 lấy gốc rễ từ các nhà thờ và các đền chùa tiếp tục đưa đến những đặc điểm riêng trong hoạt động xã hội dân sự.

Trong những năm đầu thành lập, các CSO thường mang tính chất bán chính phủ rõ rệt hoặc có người đứng đầu là các cán bộ làm trong cơ quan nhà nước đã nghỉ hưu, những người mong muốn tiếp tục được đóng góp cho sự phát triển của nước nhà, có kiến thức và quan hệ đủ để thành lập ra các tổ chức riêng của mình. Do không có một khuôn khổ pháp lý rõ ràng cho xã hội dân sự nên các tổ chức ở Việt Nam đã tìm cách có được vị trí pháp lý của mình thông qua nhiều hình thức, như đăng ký dưới sự quản lý của các bộ, cơ quan, vụ liên quan, hoặc với các tổ chức bảo trợ (nguyên văn: tổ chức ô che) như Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Hội Nghiên cứu Khoa học Đông Nam Á của Việt Nam (SEARAV). Do trước đây chính phủ rất quan tâm đến các hoạt động khoa học và công nghệ nên có nhiều CSO đã đăng ký dưới sự quản lý của VUSTA hay SEARAV và thường gọi họ là các trung tâm hoặc các viện. Bộ Luật về Hiệp hội đã được tranh luận trong nhiều năm nhưng đến nay vẫn chưa được chính thức hóa trong khi có rất nhiều nghị định hành chính điều tiết và quản lý hoạt động của các CSO. Điều này có nghĩa là trên thực tế cách thức mà các CSO đăng ký và hoạt động vẫn còn rất khác nhau và do vậy dễ gây hiểu nhầm.

Định nghĩa về các CSO hiện đại ở Việt Nam

Lịch sử và môi trường pháp lý phức tạp khiến cho khu vực này khó được định nghĩa, do các tổ chức trong đó rất khác nhau về quy mô, cơ cấu tổ chức và được gọi với nhiều tên khác nhau như Liên hiệp hội, Hiệp hội, Câu lạc bộ, Quỹ, Viện, Trung tâm, Ủy ban và cả Nhóm tình nguyện. Việc đếm đủ số lượng các CSO trong cộng đồng rộng lớn hơn do vậy là một thách thức. Các ước tính về tổng số các CSO năm đầu đó trong khoảng giữa 1.700 (theo ông Thang Văn Phúc) và 2.000 (theo nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự Việt Nam).

Một trong số ít những nỗ lực mang tính hệ thống nhằm vẽ bản đồ cho xã hội dân sự tại Việt Nam được thực hiện từ năm 2005 đến năm 2006, sử dụng một phương pháp do CIVICUS là một NGO đăng ký tại Nam Phi thiết lập⁵. Với cách tiếp cận bao rộng và toàn diện, bao gồm cả các tổ chức quần chúng có quan hệ với Đảng-Nhà nước, các tổ chức nghề nghiệp và tổ chức bảo trợ, nhóm nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự Việt Nam đã đưa ra một cách phân loại hữu ích cho các CSO như sau:

⁵CIVICUS, VIDS, SNV, UNDP. “Xã hội dân sự đang nổi: đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam”, Hà Nội, tháng 3/2006.

Phân loại	Các tổ chức trong nhóm	Quan hệ với nhà nước	Định nghĩa của Việt Nam
Tổ chức quần chúng	<ol style="list-style-type: none"> Hội Phụ nữ Hội Nông dân Đoàn Thanh niên Hội Cựu chiến binh Tổ chức của người lao động (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam) 	Mặt trận Tổ quốc	Các tổ chức chính trị xã hội
Các hiệp hội nghề nghiệp và tổ chức bảo trợ	<ol style="list-style-type: none"> Các tổ chức bảo trợ như Chữ Thập đỏ, VUSTA, VUAL, Liên minh các Hợp tác xã, v.v. Các hiệp hội nghề nghiệp 	<ol style="list-style-type: none"> Mặt trận tổ quốc Đăng ký với một tổ chức bảo trợ, các tổ chức cấp trung ương hoặc tỉnh/ thành phố 	<ol style="list-style-type: none"> Các hiệp hội nghề nghiệp xã hội Các hiệp hội xã hội và nghề nghiệp; đôi khi trực thuộc các NGO.
Các VNGO	<ul style="list-style-type: none"> Từ thiện Nghiên cứu Tư vấn Giáo dục Y tế 	VUSTA, các bộ ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố hoặc quận/huyện	Các tổ chức xã hội, NGO
Các tổ chức dựa vào cộng đồng CBO	<ul style="list-style-type: none"> Các tổ chức cung cấp dịch vụ và làm dự án phát triển hoặc hướng đến sinh kế Các tổ chức dựa trên tín ngưỡng Các nhóm gần gũi trong vùng dân cư Tộc bản, gia đình Các nhóm nghi ngơi giải trí 	<ul style="list-style-type: none"> Quan hệ gián tiếp với các tổ chức khác hoặc Bộ luật Dân sự Có thể không có đăng ký 	<ul style="list-style-type: none"> Các nhóm hợp tác nông thôn Các tổ chức dựa trên tín ngưỡng Các nhóm lân cận trong vùng dân cư Tộc bản, gia đình

Nguồn: Irene Norlund, “Điền vào chỗ thiếu: Xã hội dân sự đang hình thành tại Việt Nam” (Filling the Gap: The Emerging Civil Society in Vietnam) trang 11.

Như sẽ được trình bày trong phần sau, chúng tôi chọn nhóm đối tượng mục tiêu cho khảo sát của mình dựa trên phân loại của CIVICUS.

2. TRỌNG TÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này có tham vọng đóng góp vào cơ sở kiến thức đang tăng lên về xã hội dân sự tại Việt Nam, cũng như đóng góp cho các sáng kiến phát triển xã hội dân sự. Trong nghiên cứu này không bao gồm các tổ chức quần chúng cũng như các tổ chức bảo trợ và hội nghề nghiệp mà chỉ xem xét các tổ chức phi chính phủ của Việt Nam (VNGO) được phân loại thành các viện và trung tâm, và các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBO). Do các tổ chức này tập trung chủ yếu ở hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh nên nghiên cứu tập trung vào một nhóm các tổ chức có đăng ký hoạt động tại hai thành phố lớn này và lấy đó làm đại diện hợp lý để mô tả các xu hướng trên cả nước nói chung. Nhóm nghiên cứu khởi đầu bằng việc phân tích danh sách các tổ chức được đăng ký chính thức, tiếp cận cả các VNGO và CBO để bao quát được một dải rộng các hoạt động xã hội dân sự.

Kinh nghiệm của chúng tôi, cũng được thể hiện trong báo cáo nghiên cứu này, cho thấy các viện có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các dịch vụ nghiên cứu và tư vấn, trong khi các trung tâm thường thực hiện các chương trình và hoạt động tại cộng đồng. Mặc dù sự khác biệt này không tuyệt đối, chúng tôi đã cố gắng duy trì sự phân loại này xuyên suốt trong nghiên cứu để nhận biết tiếp các xu hướng và mô hình chi tiết hơn từ các dữ liệu. Bên cạnh hai loại hình này, nghiên cứu còn vẽ nên bức tranh hiện tại với sự gia tăng số lượng các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBO) từ các hội, tộc cho đến các nhóm sử dụng nước, các câu lạc bộ sinh viên, các tổ chức tôn giáo từ thiện. Các tổ chức này thường không đăng ký chính thức nhưng dù vậy vẫn là các thành viên tích cực của xã hội dân sự Việt Nam.

Nghiên cứu cũng cố gắng tìm kiếm tính đại diện cao nhất có thể trong các mẫu chọn của mình. Tuy nhiên do có các hình thức đăng ký khác nhau cũng như các mô hình khác nhau của các tổ chức trong Nam và ngoài Bắc nên rất khó để chắc chắn rằng mẫu nghiên cứu đã nắm bắt được chính xác sự cân bằng về quy mô và loại hình của các tổ chức ở hai thành phố. Do vậy chúng tôi cần phải cẩn trọng để không diễn giải số liệu quá mức, thay vì vậy chúng tôi sử dụng các con số để phác họa các chủ đề và xu hướng. Chẳng hạn mẫu tại TP HCM bị chi phối bởi các tổ chức dựa vào cộng đồng quy mô nhỏ trong khi mẫu tại Hà Nội lại tập trung vào các viện, trung tâm cùng với một số rất ít các CBO. Do đánh giá của nhóm nghiên cứu cho thấy các CSO ở TP HCM nói chung đều nhỏ và tập trung vào cộng đồng, việc phân tích số liệu về cơ cấu tổ chức và hành vi vì thế được đánh giá, ít nhất là một phần, như là sự đối lập giữa các tổ chức nhỏ và lớn, hơn là bằng chứng về sự khác biệt văn hóa giữa Hà Nội và TPHCM. Chúng tôi giải thích phương pháp nghiên cứu và việc chọn mẫu chi tiết trong phụ lục 1.

Năm mươi CSO ở Hà Nội và năm mươi tổ chức ở TPHCM đã được khảo sát và phỏng vấn trong 6 lĩnh vực sau:

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và nhân sự;
- Trọng tâm chương trình và cách tiếp cận;
- Sự tham gia với các khu vực khác (chính quyền và doanh nghiệp);
- Mạng lưới hoạt động;
- Nguồn tài trợ;
- Các thách thức và hướng đi trong tương lai.

3. CÁC KẾT QUẢ CỦA NGHIÊN CỨU

3.1 Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và nhân sự

Các loại hình tổ chức

Khi hỏi các CSO xem họ định nghĩa thế nào về tổ chức của mình, chúng tôi đã nhận được các câu trả lời khác nhau. Một số tập trung vào sứ mệnh của họ, số khác tập trung vào vị thế pháp lý theo chứng nhận đăng ký hoạt động của họ, hoặc nói về tổ chức bảo trợ mà họ trực thuộc. Nhiều người muốn được chọn nhiều hơn một phương án, điều này phản ánh khoảng cách giữa vị thế chính thức của các tổ chức này với cái mà họ cảm nhận như là sứ mệnh của tổ chức.

Với chỉ một phương án được lựa chọn, một số tổ chức đã chọn “Khác”. Điều này đặc biệt rất rõ ở TPHCM, với 17 trong số 50 tổ chức tự nhận biết mình như vậy. Giải thích ở đây có thể là do vị thế còn chưa rõ ràng của các tổ chức này. Nhiều trong số họ được thành lập từ các tổ chức tôn giáo hoặc các tổ chức tư nhân, trong khi số khác nằm dưới sự quản lý của nhà nước. Thực tế là trong số 17 tổ chức ở TPHCM chọn trả lời “Khác” cho câu hỏi này thì 12 cũng tự nhận mình nằm trong nhóm “Khác” khi được hỏi về tình trạng đăng ký chính thức của họ (xem thêm phần dưới). Điều này cũng chỉ ra rằng các tổ chức hướng đến sứ mệnh đang thực hiện các hoạt động khác nhau có thể thấy không chắc chắn khi xếp loại chính mình. Chẳng hạn Viện Tâm lý Thực hành mô tả các hoạt động của mình là nghiên cứu, thực hành lâm sàng và doanh nghiệp xã hội. Cuối cùng, có khả năng là các nhân viên của tổ chức không quen và không thực sự hiểu đúng các thuật ngữ dùng trong khảo sát.

Bảng 1: Bảng tự nhận biết của các CSO

<i>Loại hình</i>	<i>Số tổ chức</i>	
	<i>Hà Nội</i>	<i>TPHCM</i>
Viện nghiên cứu	6	6
Tổ chức khoa học công nghệ	10	2
NGO	28	12
CBO/ nhóm tình nguyện	4	10
Doanh nghiệp xã hội	0	3
Khác	2	17
<i>Tổng cộng</i>	<i>50</i>	<i>50</i>

Đăng ký

Tất cả các CSO tại Việt Nam được yêu cầu phải đăng ký với một cơ quan nhà nước có liên quan, một tổ chức nghề nghiệp, tổ chức bảo trợ, một bộ chủ quản, hoặc cơ quan chính quyền địa phương. Do vậy việc CSO đăng ký theo tổ chức nào sẽ phụ thuộc vào người mà các CSO tiếp cận đến cũng như vào khả năng tổ chức bảo trợ hoặc cơ quan cụ thể kia sẵn sàng chấp nhận CSO đó vào cơ cấu tổ chức của mình.

Bảng 2: Tình hình đăng ký của các CSO

	<i>Độc lập/ Không đăng ký</i>	<i>VUSTA</i>	<i>Tổ chức quản chúng</i>	<i>Chính quyền địa phương</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Hà Nội	3	25	0	0	22	50
TPHCM	6	4	1	11	28	50

Có sự khác biệt rõ rệt về nơi đăng ký của các CSO giữa Hà Nội và TPHCM. Một nửa số các tổ chức được khảo sát tại Hà Nội đăng ký trực thuộc VUSTA, trong khi chỉ có 4 tổ chức như vậy ở TPHCM. Mười một tổ chức ở TPHCM (chủ yếu là các CBO) đăng ký với các chính quyền địa phương trong khi không có tổ chức nào chọn như vậy ở Hà Nội. 44% tổ chức ở Hà Nội và 56% tổ chức ở TPHCM đã chọn đăng ký trực thuộc các hiệp hội xã hội và nghề nghiệp khác như Hội Nghiên cứu Khoa học Đông Nam Á – Việt Nam (SEARAV) hoặc Hội cứu trợ Trẻ em tàn tật Việt Nam.

Những khác biệt giữa hai thành phố có thể được giải thích bởi một vài yếu tố. Một mặt, các CSO ở TPHCM khó tiếp cận hơn với các cơ quan đóng tại Hà Nội như VUSTA và các hiệp hội cấp bộ/cấp quốc gia do yếu tố khoảng cách địa lý. Loại hình tổ chức cũng đóng vai trò quyết định quan trọng; nhiều CSO trong mẫu khảo sát của chúng tôi ở TPHCM được thành lập như các câu lạc bộ hay tổ chức từ thiện, và điều gần như đương nhiên là các tổ chức như vậy thường đăng ký với chính quyền và cơ quan cấp tỉnh/thành phố như ủy ban nhân dân, trường đại học, và các hiệp hội xã hội nghề nghiệp đóng tại TPHCM.

Bảng 3: Thời gian cho việc đăng ký tổ chức

<i>Thời gian</i>	<i>Số tổ chức</i>	
	<i>Hà Nội</i>	<i>TPHCM</i>
Ít hơn 6 tháng	36	16
6 – 12 tháng	9	7
1 – 2 năm	3	2
Trên 5 năm	1	2
Không biết/Không nhớ	1	23

Sự khác biệt vùng miền trong tình trạng đăng ký cũng được phản ánh ở mức độ khó hay dễ đối với CSO khi đăng ký hoạt động. Ở Hà Nội 38 tổ chức khẳng định rằng họ không gặp bất kỳ khó khăn nào trong quá trình đăng ký. Mặc dù 12 tổ chức còn lại có than phiền về sự thiếu rõ ràng trong hướng dẫn thủ tục từ các cán bộ liên quan và quy trình phải mất nhiều thời gian hơn cho các dự án đặc biệt hay các sáng kiến mới nhưng nhìn chung hầu hết các CSO đóng tại Hà Nội đều cho rằng việc thành lập tổ chức của họ một cách chính thức không quá khó khăn. Điều này khác hẳn với TPHCM, với chỉ 20 tổ chức nói họ đăng ký hoạt động dễ dàng, 9 tổ chức nói rằng họ gặp khó khăn khi đăng ký, và 21 tổ chức còn lại không muốn đưa ý kiến về vấn đề này. Trong các cuộc phỏng vấn sâu hơn, các CSO ở TPHCM chỉ ra rằng sự thiếu các hướng dẫn và quy định rõ ràng cũng như phải làm việc với nhiều cấp khác nhau của chính quyền địa phương đã gây ra trở ngại trong một số trường hợp.

Trong khi nhiều CSO thấy qui trình đăng ký gây ra nhiều thách thức thì phần lớn đại diện các tổ chức, trong một câu hỏi khác về thời gian cho việc đăng ký tổ chức, cho biết họ mất ít hơn 6 tháng để hoàn thành quá trình đăng ký. Các tổ chức này tập trung chủ yếu ở Hà Nội, như được chỉ ra trong Bảng 3. Tuy nhiên chúng tôi cũng thận trọng trong việc diễn giải các số liệu này. Với gần một nửa các tổ chức tại TPHCM không biết hoặc không sẵn sàng chia sẻ thông tin về thời gian họ tiêu tốn cho việc đăng ký hoạt động của mình, điều này có thể được giải thích một phần do phần đông số tổ chức ở TPHCM đã có lịch sử hoạt động trên 10 năm (xem Bảng 4 ở bên dưới). Nhiều tổ chức lâu đời ở TPHCM là các tổ chức dựa vào cộng đồng quy mô nhỏ và do vậy có xu hướng không nhớ hoặc không giữ được hết thông tin trong quá trình chuyển đổi của văn phòng cũng như sự thay đổi về nhân sự, điều này đưa đến câu trả lời của họ là “Không biết/Không nhớ”. Hơn nữa trong những năm trước khái niệm xã hội dân sự vẫn còn là mới mẻ đối với các cơ quan chính quyền, trong khi các văn bản pháp lý liên quan lại rất thiếu. Các quá trình đăng ký vào thời điểm đó do vậy được thực hiện theo kiểu tùy từng trường hợp và thất thường hơn so với hiện nay.

Dù sao, số lượng trả lời “Không biết/Không nhớ” cao hơn hẳn như vậy từ TPHCM so với Hà Nội cũng có thể phản ánh sự ngần ngại lớn hơn ở TPHCM khi chỉ ra thời gian để tiến hành các thủ tục đăng ký. Thêm vào đó do các CSO ở TPHCM hầu như đều đăng ký với các cơ quan hoặc tổ chức địa phương, họ có ít lựa chọn hơn khi tìm các cơ quan liên quan nếu như công việc họ định làm không dễ phân loại hoặc nếu cơ quan liên quan kia lại không mặn mà quan tâm. Khả năng chính thức hóa tổ chức bị hạn chế có thể dẫn đến hạn chế trong năng lực tăng trưởng và kêu gọi tài trợ của các tổ chức này. Điều này có thể giải thích lý do vì sao trong các cuộc thảo luận với Quỹ Châu Á, các tổ chức ở TPHCM tỏ ra quan tâm đến bộ Luật Hiệp hội hơn hẳn các đồng nghiệp Hà Nội của họ.

Nghiên cứu tình huống No. 1: Trung tâm Nghiên cứu Tư vấn Công tác Xã hội và Phát triển Cộng đồng (SDRC)

Được thành lập vào năm 1989, SDRC là một trong các tổ chức NGO lớn nhất tại TPHCM trong lĩnh vực công tác xã hội và phát triển cộng đồng. Trong những năm đầu thành lập tổ chức này nhận được sự hỗ trợ và giám sát từ Hội Tâm lý Giáo dục Việt Nam chi nhánh TPHCM, tuy nhiên về sau họ gặp nhiều khó khăn về ngân sách do vị thế pháp lý của mình. Do Trung tâm đăng ký hoạt động với một hiệp hội nghề nghiệp chứ không phải một cơ quan nhà nước nên theo quy định ở Việt Nam họ không thể nộp đơn xin nhận tài trợ từ các tổ chức quốc tế. Từ năm 1992, Trung tâm bắt đầu theo đuổi một quá trình dài 10 năm để đăng ký với tư cách một NGO khoa học với Sở Khoa học Công nghệ TPHCM (DOST) do họ không có mối quan hệ nào trong bộ máy chính quyền để có sự chỉ dẫn. Ngay cả khi cuối cùng đã được chấp thuận vào năm 2001, SDRC vẫn bị yêu cầu nộp hồ sơ để cấp lại đăng ký vào các năm 2005 và 2010. Tuy nhiên đến lần thứ ba này thì tổ chức đã may mắn có được giấy phép vĩnh viễn để hoạt động dưới sự quản lý của DOST. Với tư cách này, SDRC có thể thực hiện các dự án lớn hơn và mở rộng hoạt động của mình sang các lĩnh vực khác.

Tuổi đời của các CSO trong khảo sát

Nghị định 35-HĐBT ban hành ngày 28/2/1992 về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ là văn bản pháp lý đầu tiên xác định quyền của cá nhân, tổ chức xã hội dân sự và tổ chức kinh tế trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ kể từ sau Đổi Mới. Tuy nhiên việc thành lập các CSO vẫn còn rất hiếm trước thời điểm đầu những năm 2000, khi Nghị định 81/2002/ND-CP và Thông tư 10/2005/TT-BKHHCN được ban hành bởi Bộ Khoa học Công nghệ đã đưa ra các điều kiện rõ ràng hơn cho việc thành lập và đăng ký các tổ chức khoa học công nghệ. Số liệu cho thấy khung pháp lý mới này đã có tác động đến sự phát

triển xã hội dân sự Việt Nam: 47% các tổ chức được phỏng vấn mới được thành lập trong vòng 6 năm trở lại đây. Ở đây cũng có sự khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam; NGO và CBO ở miền Nam có xu hướng lâu năm hơn các tổ chức ở miền Bắc, sự khác biệt này có thể được giải thích bởi thực tế là nhiều CSO ở TP HCM đã hoạt động từ trước năm 1975 và di sản của các tổ chức đó vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến cuộc sống dân sự của thành phố.

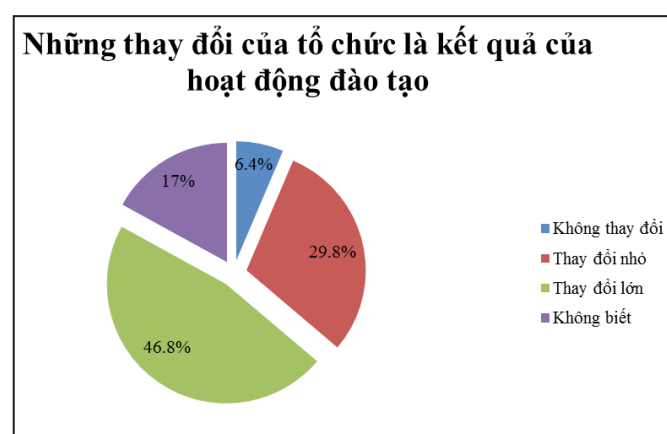
Từ năm 1945 đến năm 1975 ở miền Nam có một sự bùng nổ tương đối các CSO: từ các hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức từ thiện đến các tổ chức hỗ trợ những người bị ảnh hưởng bởi chiến tranh. Trong khi nhiều tổ chức theo đuổi các công tác xã hội khác nhau bị đóng cửa và bị thay thế bằng các cơ quan nhà nước sau năm 1975, các chính sách của chính phủ về tôn giáo cho phép nhiều nhóm từ thiện dựa trên tôn giáo có thể tiếp tục các công việc của mình và họ vẫn hoạt động tích cực ở TP HCM cho đến nay.

Bảng 4: Số năm hoạt động của các tổ chức

	CBO		Trung tâm		Viện		Tổng số	
	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM
< 3 năm	0	2	10	2	2	1	12	5
3-6 năm	3	2	12	6	6	1	21	9
6-10 năm	1	4	7	2	1	0	9	6
>10 năm	1	25	6	3	1	2	8	30
<i>Tổng số</i>	<i>5</i>	<i>33</i>	<i>35</i>	<i>13</i>	<i>10</i>	<i>4</i>	<i>50</i>	<i>50</i>

Các nguồn nhân lực và vật lực

Biểu 1: Những thay đổi của tổ chức là kết quả của hoạt động đào tạo



Các CSO ở cả Hà Nội và TP HCM thường do các cá nhân có năng lực lãnh đạo. Họ thường là các nhà nghiên cứu hoặc các cán bộ trong chính phủ đã về hưu. Trong mẫu có một sự khác biệt nhỏ về số nhân viên giữa các CSO ở Hà Nội và TP HCM, với con số trung bình ở Hà Nội là 12-13 nhân viên mỗi tổ chức trong khi TP HCM là 15-16. Các nhân viên của CSO Hà Nội nhìn chung có bằng cấp cao hơn so với các đồng nghiệp ở TP HCM, với nhiều người có bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ hơn.

Trong khi số nhân viên nữ nhiều hơn hẳn nhân viên nam ở cả hai miền, khoảng cách về giới ở miền Nam là đặc biệt rộng. Sự khác biệt này cũng chỉ ra bản chất khác nhau của CSO ở hai thành phố. Các tổ chức ở Hà Nội hoạt động như các viện nghiên cứu nhiều hơn và do vậy đòi hỏi nhân viên có mức học vấn cao hơn, trong khi các NGO ở TP HCM chủ yếu là các tổ chức từ thiện và có các hoạt động can thiệp cộng đồng. Các hoạt động này do vậy cần những người làm công tác thực tế và xã hội nhiều hơn và đây là nghề phù hợp hơn với nữ giới so với nam giới.

Bảng 5: Nhân lực tại các CSO

<i>Nhân sự</i>	<i>Hà Nội</i> <i>625 người</i> <i>50 tổ chức</i>	<i>TPHCM</i> <i>776 người</i> <i>50 tổ chức</i>
Số nhân viên trung bình/tổ chức	12.5	15.8
Tổng số nhân viên nữ	330	512
Tổng số nhân viên nam	295	264
Tỷ lệ nữ/nam	1.12	1.94
Số người có bằng Tiến sĩ trung bình/tổ chức	1.94	0.6
Số người có bằng Thạc sĩ trung bình/tổ chức	2.72	1.9
Số người có bằng Đại học trung bình/tổ chức	6.84	6.9
Người tốt nghiệp trường dạy nghề	-	4.1
Bằng Phổ thông và thấp hơn	-	10.9

Phần lớn các nhân viên CSO đều trẻ và ít kinh nghiệm. Các lãnh đạo của hầu hết các tổ chức trong khảo sát này đều nói rằng xây dựng năng lực nhân viên là một trong những quan tâm hàng đầu của họ. Ở Hà Nội, trên 90% các tổ chức trong cuộc khảo sát này đã gửi nhân viên của mình đi đào tạo ở bên ngoài, mặc dù chỉ có 36% tổ chức có ngân sách cho đào tạo. Còn ở TPHCM, 50% số tổ chức đầu tư nguồn ngân sách riêng của họ vào việc xây dựng năng lực cho nhân viên. Những người được phỏng vấn nói rằng họ phải rất cố gắng để có thể dành ra một khoản tiền cho hoạt động xây dựng năng lực do hầu hết ngân sách của họ đều bị các nhà tài trợ ràng buộc với các hoạt động của dự án cụ thể. Họ cũng phải chịu áp lực lớn trong việc trả lương và chi phí quản lý nên chỉ còn lại rất ít cho các mục đích linh hoạt. Không ngạc nhiên là hầu hết các CSO đều mong muốn các nhân viên của mình được tham gia vào các khóa đào tạo bên ngoài, đặc biệt là các khóa học miễn phí.

Trong khi hầu hết các tổ chức không đầu tư vào các khóa đào tạo, họ đánh giá rất cao các khóa đào tạo mà các nhân viên của họ được tham gia để cải thiện kỹ năng của nhân viên về truyền thông, vận động chính sách, phương pháp đào tạo, đàm phán, quản trị dự án, lập báo cáo và lập kế hoạch, trong số nhiều khóa học khác. Các khóa đào tạo quốc tế được đặc biệt đánh giá cao do các cơ hội cọ xát với các cách nhìn và phương pháp giảng dạy mới mẻ. Về tổng thể, gần một nửa số tổ chức được khảo sát cho rằng việc nhân viên tham gia các khóa đào tạo đã đóng góp vào những thay đổi đáng kể cho tổ chức của họ, trong khi 30% nói rằng các khóa học như vậy mang lại những thay đổi nhỏ. Nhìn chung, các nhân viên NGO ít khi tham gia vào các chương trình đào tạo dài hạn và có xu hướng chọn các khóa ngắn, đặc biệt là những khóa tập huấn cung cấp kỹ năng đào tạo (TOT) để họ có thể dạy lại cho các nhân viên và đồng nghiệp trong tổ chức cũng như các thành viên trong cộng đồng tại vùng hoạt động của các NGO.

Hầu hết các CSO Việt Nam đều khẳng định rằng nhân viên của họ bỏ việc nhiều và họ phải hết sức cố gắng để cạnh tranh với mức lương cao hơn và các gói quyền lợi tốt hơn ở các tổ chức NGO quốc tế cũng như ở khu vực tư nhân. Hầu hết các CSO gặp khó khăn để bảo đảm cho nhân viên có một nơi làm việc thoải mái và thuận tiện. Trong số các tổ chức được khảo sát thì chỉ có một tổ chức sở hữu văn phòng của mình, hầu hết còn lại đều phải đi thuê và chịu chi phí trả tiền thuê văn phòng định kỳ. Trong một vài năm vừa qua các CSO đã gặp phải khó khăn do nguồn tiền thiếu hụt, buộc họ phải chuyển sang thuê văn phòng ở những nơi xa trung tâm hoặc tạm thời sử dụng nhà của người lãnh đạo hay của người tình nguyện.

Lãnh đạo và ban quản lý

Quy trình đăng ký đối với CSO đòi hỏi mỗi tổ chức phải lập ra một Hội đồng quản trị. 24% tổ chức được khảo sát đã đơn giản hóa cơ cấu quản lý của họ kể từ khi bắt đầu hoạt động bằng việc thay thế hội đồng quản trị bởi một giám đốc và có thể có hoặc không có phó giám đốc. Với các tổ chức vẫn còn giữ hội đồng quản trị, tất cả đều nói rằng giám đốc của họ phụ trách toàn bộ các hoạt động hàng ngày, chịu trách nhiệm quản lý và ra quyết định. Điều này cho thấy quy mô của các CSO Việt Nam thường nhỏ và vai trò của các cá nhân lãnh đạo trong tổ chức thường mang tính chi phối.

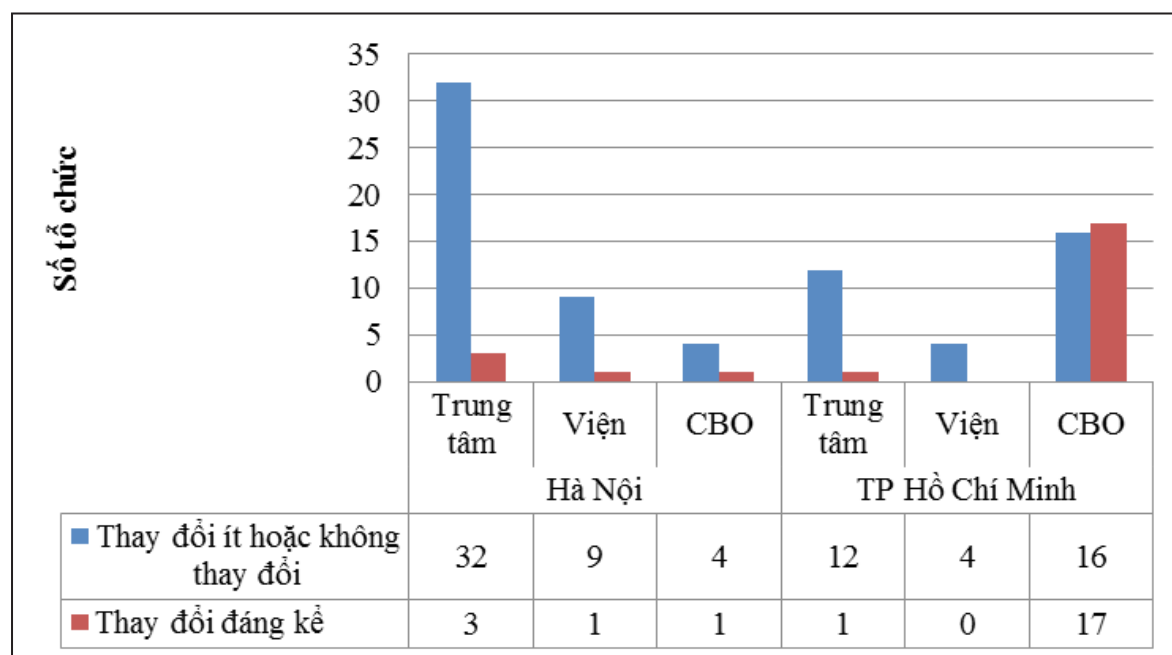
Bảng 6: Các CSO với hội đồng quản trị

	CBO		Trung tâm		Viện		Tổng số	
	HN	TPHCM	HN	TPHCM	HN	TPHCM	HN	TPHCM
Có	4	23	28	11	6	4	38	38
Không	1	10	7	2	4	0	12	12
Tổng số	5	33	35	13	10	4	50	50

Những người sáng lập các CSO đến từ nhiều lĩnh vực và có các mục đích khác nhau. Nhiều người là các cán bộ nhà nước đã về hưu. Họ lập ra các tổ chức này để tận dụng các mối quan hệ và kinh nghiệm của mình. Các tổ chức của họ thường có khả năng tiếp cận các nguồn tài trợ của chính phủ tốt hơn thông qua các dự án nghiên cứu do nhà nước tài trợ. Đây chính là trường hợp phổ biến trong những năm đầu của phát triển xã hội dân sự ở Việt Nam. Tuy nhiên đang có một thế hệ các CSO mới nổi lên do các chuyên gia trẻ lãnh đạo, họ có trình độ và có cam kết mạnh mẽ đối với bình đẳng xã hội và công lý. Tầm quan trọng của các NGO quốc tế như mảnh đất đào tạo nuôi dưỡng các nhà lãnh đạo CSO cần phải được ghi nhận, bởi có một số nhân viên cũ của các NGO quốc tế đã rời các tổ chức này và lập ra tổ chức của chính mình. Mặc dù phạm vi còn hạn chế nhưng sự phát triển mới này đã giúp đưa vào môi trường xã hội dân sự Việt Nam tính chuyên nghiệp, sự tự tin và tính năng động cao hơn.

Nhiều CSO chịu sự chi phối từ những người sáng lập. Những người này có xu hướng tham gia vào mọi khía cạnh hoạt động của tổ chức. Mặc dù việc chuyển giao lãnh đạo hiệu quả là một điều kiện quan trọng cho tính bền vững của tổ chức nhưng Biểu 2 dưới đây cho thấy sự duy trì quyền lãnh đạo trong thời gian dài kể từ khi thành lập đứng ở mức cao trong số các tổ chức được khảo sát, trong đó TPHCM có bức tranh cân bằng hơn trong chuyển giao lãnh đạo. Điều này có thể một phần do lịch sử lâu đời hơn của các CSO ở TPHCM, tuy nhiên trên thực tế các CSO đều gặp rất nhiều khó khăn khi phải thay đổi lãnh đạo của mình. Số người giỏi trong lĩnh vực này, những người có thể lãnh đạo một tổ chức, thực sự không nhiều, đặc biệt là khi họ có thể nhận thù lao cao hơn trong các vị trí hoặc lĩnh vực khác.

Biểu 2: Các tổ chức có sự thay đổi về người lãnh đạo kể từ khi thành lập



Những người lãnh đạo của các CSO mà chúng tôi phỏng vấn nhìn chung đều cho rằng tuổi của người lãnh đạo không phải là yếu tố quan trọng và kết quả hoạt động của tổ chức phụ thuộc vào năng lực, tinh thần trách nhiệm, uy tín, sự cần cù và kỹ năng quản lý. Những người trả lời phỏng vấn tuy nhiên cũng cho rằng tuổi tác của người lãnh đạo có những tác động khác nhau đến tổ chức. Trong khi những người trẻ có thể năng động và nhiệt tình hơn, cũng có những ví dụ cho thấy họ gặp khó khăn trong việc thiết lập những mối quan hệ hiệu quả trong công việc, đặc biệt là với các cơ quan chính quyền, và điều này là khá quan trọng ở Việt Nam. Trong khi đó các nhà lãnh đạo có tuổi có thể có những mối quan hệ rộng và giàu kinh nghiệm nhưng lại thường bảo thủ và chậm hơn trong việc áp dụng những phương pháp mới và triển khai các sáng kiến chương trình. Phần lớn các nhà lãnh đạo CSO có độ tuổi trong khoảng từ 35 đến 55 (52% ở Hà Nội và 74% ở TPHCM). Điều thú vị là mẫu khảo sát của chúng tôi nhận thấy ở Hà Nội có nhiều nhà lãnh đạo dưới 35 tuổi (24%) hơn ở TPHCM (6%). Đây là một phát hiện bất ngờ bởi các CSO ở Hà Nội thường có xu hướng làm nghiên cứu chính sách, đòi hỏi phải có mạng lưới quan hệ với những người có uy tín để giành được các dự án và triển khai thực hiện chúng, trong khi CSO ở TPHCM có xu hướng tập trung vào các can thiệp cộng đồng. Tuy nhiên cần ghi nhận rằng cả 12 tổ chức ở Hà Nội có người lãnh đạo trẻ đều là các tổ chức tương đối mới, chỉ trừ 1 tổ chức còn lại đều thành lập trong khoảng 6 năm trở lại đây.

Bảng 7: Tuổi của các nhà lãnh đạo CSO

	CBO		Trung tâm		Viện		Tổng số	
	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM
<35 năm	2	3	9	0	1	0	12	3
35 – 55 năm	3	24	17	9	6	4	26	37
>55 năm	0	6	9	4	3	0	12	10
Tổng số	5	33	35	13	10	4	50	50

3.2 Trọng tâm chương trình và chiến lược

Hoạch định chiến lược

Khi được hỏi về các ưu tiên then chốt và trọng tâm chiến lược, các câu trả lời từ các tổ chức được phỏng vấn nhìn chung rơi vào hai nhóm. Nhóm thứ nhất tập trung vào các chủ đề chuyên môn rõ ràng có liên quan đến phát triển bền vững, công bằng xã hội và cơ hội bình đẳng cho người nghèo cũng như những nhóm người dễ bị tổn thương khác trong xã hội. Nhóm thứ hai nhấn mạnh đến những thách thức trong quá trình hoạt động như phát triển dự án và huy động nguồn tài trợ để ổn định các hoạt động của tổ chức.

Liên quan đến việc lập kế hoạch, tất cả những người trả lời phỏng vấn đều nói rằng tổ chức của họ xác định rõ sứ mệnh của mình khi thành lập. Khoảng từ $\frac{2}{3}$ đến $\frac{3}{4}$ số tổ chức có chiến lược cho nhiều năm, trong khi số còn lại cho biết các đường hướng hoạt động được quyết định bởi những thành viên chủ chốt và họ không có đủ nguồn lực về tài chính cũng như con người để đầu tư vào việc phát triển một chiến lược chính thức và bài bản. Hầu hết các tổ chức cho biết họ có kế hoạch năm rõ ràng. Đối với 12% tổ chức không có kế hoạch năm, lý do đưa ra liên quan đến sự lo ngại bị đóng cửa trong thời gian tới hoặc không đủ năng lực trong tổ chức để làm việc đó.

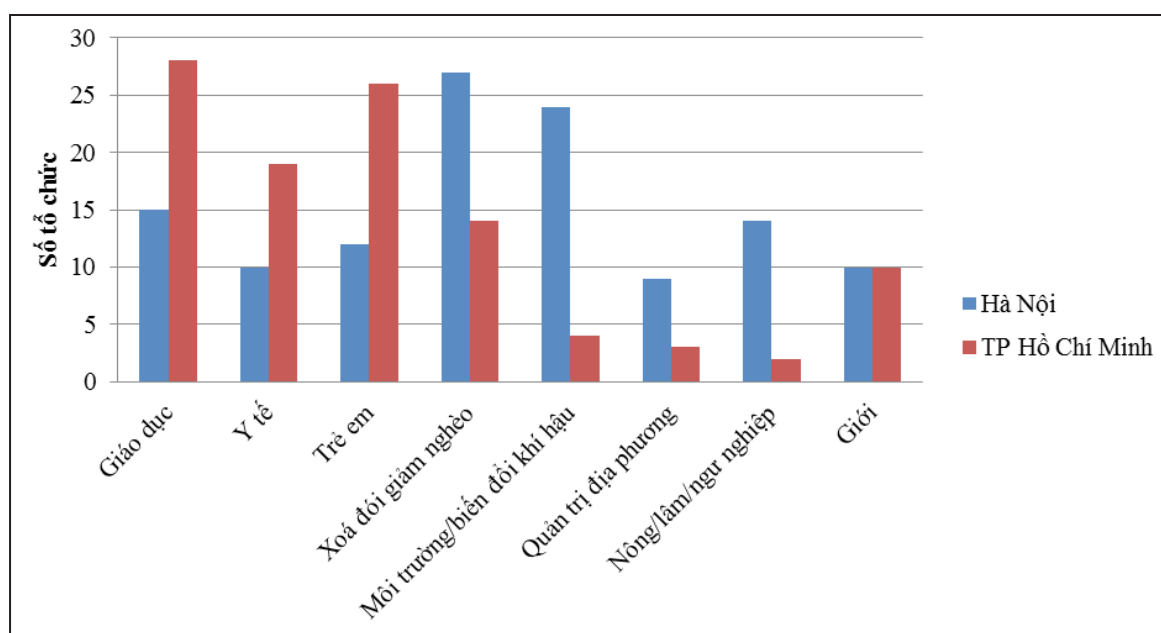
Các lĩnh vực hoạt động

Xóa nghèo và phát triển cộng đồng là những lĩnh vực trọng tâm truyền thống của các CSO Việt Nam. Các hoạt động này đặc biệt tập trung nhiều tại các vùng sâu vùng xa và những vùng có nhiều đồng bào thiếu số sinh sống, chủ yếu được tài trợ bởi các nhà tài trợ quốc tế hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên cùng với sự phát triển của xã hội dân sự trong thời gian vừa qua, phạm vi hoạt động cũng được mở rộng sang một loạt các mô hình sinh kế và lĩnh vực trọng tâm khác như giáo dục, bình đẳng giới, quản lý tài nguyên thiên nhiên, và biến đổi khí hậu.

Biểu 3 dưới đây chia các lĩnh vực hoạt động của các tổ chức được khảo sát theo địa phương. Nhìn chung xu hướng của các CSO ở Hà Nội là tập trung vào nghiên cứu, phân tích chính sách và hỗ trợ kỹ thuật, trong khi các CSO ở TPHCM thiên về các vấn đề xã hội cụ thể và cung cấp dịch vụ cho các nhóm dân cư thiệt thòi hơn trong cộng đồng. Các vấn đề liên quan đến trẻ em và thanh thiếu niên, người tàn tật và người nhiễm HIV/AIDS chiếm phần lớn hơn trong công việc của các tổ chức ở TPHCM so với đồng nghiệp của họ ở Hà Nội. Lịch sử lâu đời của công tác xã hội ở miền Nam dưới giác độ nghiên cứu và thực tiễn cũng như sự tham gia mạnh mẽ hơn của các tổ chức dựa trên tôn giáo trong các hoạt động phi lợi nhuận và từ thiện ở TPHCM đã giúp giải thích các khác biệt này. Hơn thế nữa, việc các tổ chức ở Hà Nội tương đối tập trung vào các vấn đề liên quan đến môi trường, quản trị nhà nước và quản lý tài nguyên thiên nhiên có lẽ có thể được giải thích bởi thực tế rằng các lĩnh vực này thường đưa đến vận động chính sách và đây là chiến lược được áp dụng ở hầu hết các tổ chức ở Hà Nội.

Sự gắn gũi với các nhà tài trợ song phương và các tổ chức quốc tế cũng góp phần định hình cho chương trình hoạt động của các tổ chức ở Hà Nội. Một ví dụ là biến đổi khí hậu đang là một chủ đề nóng trong cộng đồng các nhà tài trợ phát triển trên toàn thế giới và sự dễ dàng có được nguồn tài trợ cho các dự án trong lĩnh vực này đã tạo động cơ cho các CSO Hà Nội định hướng các hoạt động của mình theo chủ đề giảm nhẹ hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu bất chấp thực tế rằng biến đổi khí hậu có xu hướng gây ảnh hưởng nghiêm trọng hơn ở miền Nam.

Biểu 3: Các lĩnh vực hoạt động



Trong số 62 trung tâm và viện được phỏng vấn, chỉ có 13 tổ chức hoạt động trong một lĩnh vực duy nhất. Các CBO ngược lại có xu hướng chỉ tập trung vào một hoặc hai lĩnh vực, đặc biệt là khi họ chuyên tâm trong lĩnh vực công tác trẻ em hoặc người tàn tật. Các tổ chức làm việc trong nhiều lĩnh vực luôn nhấn mạnh rằng các can thiệp đa chiều là cần thiết để giải quyết các vấn đề phát triển và các vấn đề xã hội phức tạp, trong khi các tổ chức làm việc trong một lĩnh vực cụ thể thì lại nhấn mạnh đến lợi ích của các can thiệp sâu và tập trung.

Hầu hết các CSO ở cả Hà Nội và TPHCM đều tiếp tục hoạt động với các vấn đề mà họ bắt đầu từ khi thành lập. Tuy nhiên một số đáng kể các tổ chức, bao gồm gần một nửa trong số 38 CBO và trên 30% trong số 48 trung tâm được khảo sát nói rằng họ đã thay đổi trọng tâm hoạt động của mình để thích ứng với nhu cầu chính trị xã hội thay đổi cũng như đáp ứng yêu cầu của các nguồn tài trợ.

Nghiên cứu tình huống No. 2: Viện Nghiên cứu Sinh thái Chính sách Xã hội (SPERI) & Trung tâm Nghiên cứu, Hỗ trợ, và Phát triển Văn hoá (AC)

SPERI là một tổ chức tập trung vào quyền của người dân tộc thiểu số trong hệ thống sinh thái và tài nguyên. Ban đầu SPERI tập trung vào lĩnh vực phát triển cộng đồng, sau vài năm, SPERI dành nhiều thời gian và nguồn lực vào nghiên cứu và đào tạo đội ngũ lãnh đạo trẻ người dân tộc thiểu số. Đến nay tất cả các hoạt động của SPERI đều theo hướng vận động chính sách cho quyền của người dân tộc thiểu số và phát triển bền vững.

Trung tâm Nghiên cứu, Hỗ trợ, và Phát triển Văn hoá (AC) là một tổ chức phi chính phủ thành lập tháng 5 năm 2005 dưới sự quản lý của VUSTA. Lĩnh vực trọng tâm ban đầu của tổ chức này là nghiên cứu và xây dựng các tài liệu hướng dẫn về quản lý văn hoá và đào tạo các tập huấn viên về các phương pháp tiếp cận quản lý văn hoá mới. Tuy nhiên do thiếu hụt tài chính năm 2011 tổ chức này đã chuyển hướng sang trọng tâm mới hiện nay là đưa hiệu ứng phim vào hệ thống giáo dục.

Trong hầu hết các trường hợp mà thay đổi trọng tâm hoạt động không phải do thiếu nguồn tiền cho hoạt động, các CSO chọn mở rộng phạm vi của các hoạt động hiện tại hơn là chuyển hướng hoàn toàn. Một số xu hướng có thể thấy rõ là:

- Sự chuyển dịch từ hỗ trợ trực tiếp với tư cách cung cấp dịch vụ sang các cách tiếp cận sử dụng các chiến lược truyền thông và vận động.
- Đối với một số tổ chức mở rộng phạm vi hoạt động hàm ý mở rộng diện khách hàng mục tiêu và những người thụ hưởng.
- Đối với các tổ chức khác thì ngược lại là thu hẹp lựa chọn đối tượng thụ hưởng mục tiêu trong khi cung cấp các hỗ trợ toàn diện hơn cho một nhóm nhỏ hơn.

Các phương pháp tiếp cận thực hiện chương trình

Bảng 8 dưới đây cho thấy các cách tiếp cận chương trình mà các tổ chức trong khảo sát đã áp dụng và chỉ ra.

Bảng 8: Các hình thức hoạt động

	CBO		Trung tâm		Viện		Tổng số	
	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM	Hà Nội	TPHCM
	(5)	(33)	(35)	(13)	(10)	(4)	(50)	(50)
Cung cấp dịch vụ	2	20	26	8	2	3	30	32
Xây dựng năng lực	1	5	22	7	5	4	28	16
Nghiên cứu	0	1	21	10	10	4	31	15
Vận động chính sách	2	5	16	7	9	0	27	12
Khác	5	17	2	3	2	1	9	21

**Các con số trong ngoặc đơn là số các tổ chức có trong mẫu*

Cung cấp dịch vụ: Trọng tâm truyền thông về giảm nghèo và phát triển cộng đồng hàm ý rằng cung cấp dịch vụ vẫn là cách tiếp cận cốt lõi của các CSO: 30 tổ chức ở Hà Nội và 32 ở TPHCM xác nhận đó là một hình thức hoạt động của mình. Cung cấp dịch vụ có thể được thực hiện ở ba cấp độ khác nhau: i) Các tổ chức hợp tác với các cơ quan chính phủ để cung cấp dịch vụ theo các chính sách cụ thể của chính phủ; ii) Các tổ chức cung cấp dịch vụ nằm ngoài các

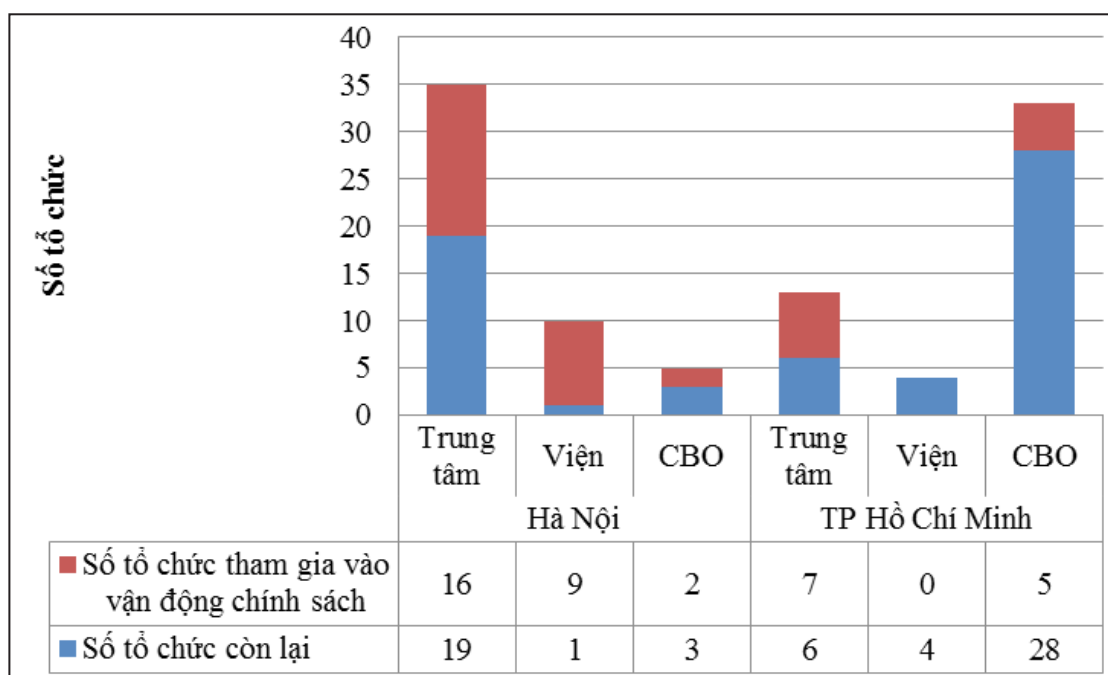
chương trình của chính phủ; và iii) Các tổ chức cùng tham gia với chính quyền thông qua việc truyền đạt các mối quan tâm của các thành viên của họ đến các cơ quan chính phủ, nhận biết các điểm yếu, và đề xuất các phương pháp mới hay cải tiến trong các chương trình hiện có. Những người được phỏng vấn nói rằng các cơ quan công quyền thường hoạt động theo kiểu áp đặt từ trên xuống, áp dụng một cách tiếp cận duy nhất đối với các chương trình khác nhau cũng như các địa phương khác nhau. Các CSO hoạt động để giúp cân bằng thông qua cách tiếp cận từ dưới lên trong đó khuyến khích sự tham gia của người dân và xây dựng năng lực dựa vào cộng đồng.

Đào tạo và xây dựng năng lực cho các tổ chức khác: 44% mẫu khảo sát nói rằng họ tiến hành các khóa đào tạo và/hoặc xây dựng năng lực cho các đối tượng khác, nhắm đến người dân địa phương, chính quyền địa phương, các tổ chức quần chúng và các CSO khác. Trên một nửa trong số 62 trung tâm và viện được khảo sát trả lời khẳng định trong câu hỏi này, trong khi chỉ có 6 trong số 38 CBO trả lời như vậy.

Nghiên cứu: Tất cả các viện dù ở Hà Nội hay TPHCM đều mô tả nghiên cứu là hình thức hoạt động chính của họ. Nghiên cứu cũng là hoạt động quan trọng của các trung tâm, nhưng ít hơn nhiều ở các CBO. Những tổ chức được khảo sát có xu hướng thực hiện các nghiên cứu trong mối liên quan với các hoạt động khác, thu thập các bài học và bằng chứng để gây ảnh hưởng đến những người có quyền lợi liên quan như các nhà hoạch định chính sách, các nhà tài trợ, các NGO khác cũng như giới học giả.

Vận động chính sách: Trong khi khái niệm vận động chính sách vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam thì một số lớn các CSO đều khẳng định rằng họ đang tham gia vào loại hình hoạt động này. Tuy nhiên như được thể hiện trên Biểu 4, số CSO ở Hà Nội cho rằng họ hoạt động tích cực trong lĩnh vực vận động chính sách là nhiều hơn so với ở TPHCM.

Biểu 4: Số tổ chức tham gia vào vận động chính sách, phân theo vùng và loại tổ chức



Sự khác biệt này giữa Hà Nội và TPHCM có thể được giải thích bởi một vài yếu tố: (i) các viện và trung tâm có năng lực nghiên cứu chiếm phần lớn số các tổ chức đang hoạt động tại Hà Nội; (ii) Vận động chính sách đòi hỏi có sự tiếp cận với các thông tin pháp luật cũng như các mối quan hệ với các nhà hoạch định chính sách, đây là điểm mà các tổ chức đóng tại Hà

Nội có lợi thế; và (iii) Các CSO ở TPHCM có cảm nhận rằng các cơ quan công quyền thường cởi mở trong vấn đề tham gia/tham vấn chính sách với các tổ chức tại Hà Nội hơn là TPHCM.

Phỏng vấn của chúng tôi với các tổ chức ở TPHCM cho thấy họ cảm nhận tính nhạy cảm cao xung quanh các hoạt động vận động chính sách và họ còn ở quá xa các đối thoại rộng rãi về phát triển xã hội dân sự để cảm thấy tự tin và thoải mái hơn khi theo đuổi vận động chính sách. Cuối cùng các NGO không hoạt động trong lĩnh vực vận động chính sách ở TPHCM nói rằng họ không tin tưởng vào việc các quan chức nhà nước sẽ thay đổi chính sách hay cách thức làm việc như là kết quả của việc vận động bởi có sự thiên vị thể chế rất mạnh theo hướng giữ nguyên hiện trạng.

Các NGO sử dụng một loạt các chiến lược vận động, trong đó phổ biến nhất là ẩn hành các báo cáo nghiên cứu và tổ chức hội thảo. Các cơ quan truyền thông được sử dụng tích cực nhằm truyền tải thông điệp, từ các phương tiện in ấn đến internet, cũng như sử dụng các bộ phim và video clip để ghi lại hoạt động của mình cho các mục đích vận động chính sách. Vị thế của các CSO trong quá trình lập chính sách vẫn còn đang được tranh cãi, và vì vậy chỉ một số ít CSO chọn hình thức tham gia trực tiếp vào các quá trình hoạch định chính sách hoặc gửi thư ngỏ hay khuyến nghị lên chính phủ. Thay vào đó họ thường dựa vào các mối quan hệ cá nhân với các quan chức chính phủ như một yếu tố quan trọng cho vận động chính sách thành công.

Nghiên cứu tình huống No. 3: Viện Tư vấn và Phát triển (CODE)

Viện Tư vấn và Phát triển (CODE) được thành lập tại Hà Nội vào đầu năm 2007 với tư cách là một NGO độc lập hoạt động trong lĩnh vực phân tích và vận động chính sách phát triển. CODE chuyên thực hiện các dự án và các hình thức phát triển đòi hỏi có sự hợp tác giữa chính phủ, khu vực tư nhân và xã hội dân sự. Mặc dù khái niệm vận động chính sách ngày càng được hiểu rõ hơn trong xã hội Việt Nam, vẫn còn có nhiều hạn chế trên thực tế đối với loại hoạt động này. Nhà nước chưa có khung pháp lý đầy đủ, trong khi cả khu vực tư nhân và xã hội dân sự đều thiếu các năng lực cần thiết để vận động chính phủ một cách có hiệu quả.

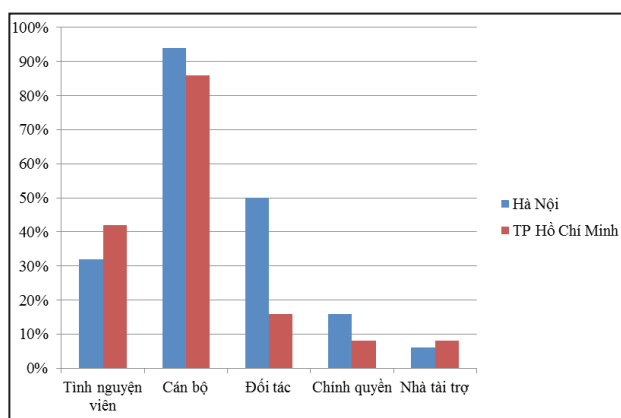
Sự ra đời của CODE trùng thời điểm với quyết định của lãnh đạo cấp cao Việt Nam chấp thuận một kế hoạch khai thác mỏ bô xít quy mô lớn ở Tây Nguyên. Đáp lại quyết định đó, CODE và các đối tác của mình đã thiết kế một loạt các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của các bên có quyền lợi liên quan về những tác động có hại của kế hoạch này và đại diện cho đồng bào thiểu số trong vùng tiến hành vận động chính sách. Kết quả là đã có một cuộc thảo luận cấp cao được tổ chức với sự tham gia của các nhà khoa học, các đại diện xã hội dân sự và nhiều ban ngành chính phủ. Tuy vấn đề Việt Nam có nên tiếp tục khai thác bô xít hay không vẫn chưa được quyết định dứt khoát nhưng các hoạt động của CODE đã giúp bảo đảm rằng thảo luận chính sách sẽ phải quan tâm đến tính bất khả xâm phạm của sinh kế nông thôn và tầm quan trọng của việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững.

Sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

Các CSO thường nhấn mạnh đến cách tiếp cận có sự tham gia, đặt con người vào trọng tâm. Chúng tôi đã đặt câu hỏi với họ về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan trong thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá chương trình. Trong quá trình nhận biết vấn đề, nhân viên của các CSO ở cả Hà Nội và TPHCM thường là những tác nhân chủ yếu. Đôi khi các đối tác, khách hàng, các ban ngành liên quan của chính phủ, những người tình nguyện và nhà tài trợ cũng được mời tham gia vào quá trình này.

Việc lôi kéo các bên có quyền lợi liên quan khác vào quá trình lập kế hoạch cũng có xu hướng hạn chế, tuy nhiên các vai trò có sự thay đổi trong quá trình thực hiện chương trình. Như Biểu 5 cho thấy các bên có quyền lợi liên quan khác đóng một vai trò đáng kể trong quá trình thực hiện chương trình, Các CSO ở Hà Nội có xu hướng lôi kéo được sự tham gia của khách hàng và các cơ quan chính phủ nhiều hơn, trong khi các CSO ở TPHCM thường lôi kéo các tình nguyện viên cùng tham gia.

Biểu 5: Sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan trong thực hiện chương trình



Quản lý chương trình, giám sát đánh giá và huy động tài trợ trước hết là trách nhiệm của lãnh đạo và các nhân viên cơ hữu của CSO. Các bên có quyền lợi liên quan khác tham gia tùy vào hoạt động cụ thể, thường là các tổ chức đối tác sẽ có vai trò quan trọng hơn trong quản lý chương trình, trong khi nhiều NGO coi sự tham gia của những tình nguyện viên nước ngoài là rất quan trọng cho các nỗ lực huy động tài trợ.

3.3 Sự tham gia/hợp tác cùng với các khu vực khác

Quan hệ tương tác với chính quyền cấp trung ương và địa phương

Sự tăng trưởng về số lượng các hiệp hội nghề nghiệp, các trung tâm, viện nghiên cứu và đào tạo, các NGO được pháp luật công nhận cũng như hàng nghìn tổ nhóm phi chính thức và không đăng ký hiện đang có ở Việt Nam phản ánh một môi trường thân thiện hơn được nhà nước tạo dựng cho sự tham gia dân sự. Sự phát triển của một khu vực xã hội dân sự sôi nổi năng động hơn là kết quả tự nhiên từ một hệ thống kinh tế và xã hội cởi mở hơn, ngày càng gắn kết nhiều hơn với các xu hướng và các mạng thông tin khu vực và toàn cầu. Thêm vào đó chính phủ cũng ngày càng nhận thức rõ ràng bản chất phức tạp của quá trình phát triển đòi hỏi có sự đóng góp của nhiều bên có quyền lợi liên quan, trong đó các tổ chức xã hội dân sự có thể đóng một vai trò xây dựng khi phản hồi chính sách nhằm cải thiện tính hiệu quả của các chính sách của chính phủ.

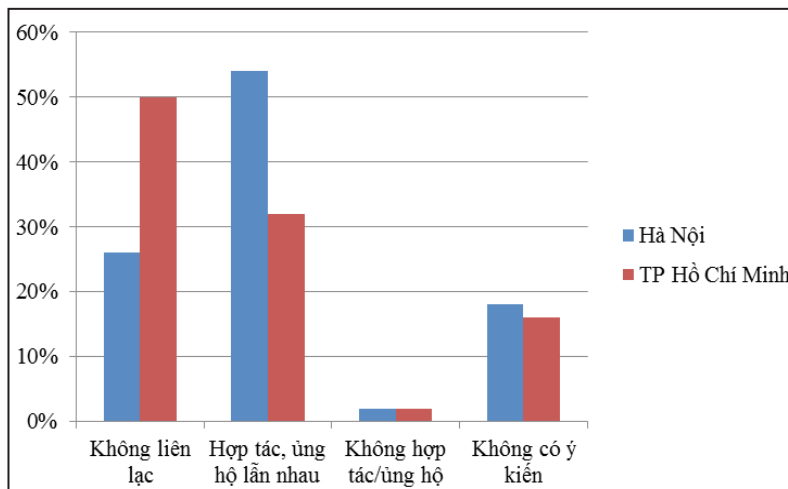
Tuy nhiên mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự ở Việt Nam vẫn còn nhiều biến động. Sự thiếu hụt hiện tại một khung pháp lý rõ ràng cho các tổ chức xã hội dân sự tạo ra một môi trường hoạt động không chắc chắn và củng cố tầm quan trọng của các mối quan hệ cá nhân khi muốn công việc được thực hiện thay vì một bộ quy chế minh bạch được áp dụng cho tất cả các NGO. Luật Hiệp hội đã được tranh luận ở Quốc Hội nhiều năm nhưng phải tạm gác lại vào giữa thập kỷ 2000 do có một loạt các bất đồng xung quanh các điều khoản trong đó. Có đến 75% các tổ chức được khảo sát trong nghiên cứu này khẳng định rằng họ tin tưởng việc ban hành bộ Luật đó sẽ giúp cải thiện vị thế của các CSO ở Việt Nam.

Những người trả lời phỏng vấn lưu ý rằng nhiều cán bộ chính phủ không hiểu vai trò của xã hội dân sự, thậm chí không hiểu thuật ngữ xã hội dân sự và tổ chức phi chính phủ. Đặc biệt chính quyền địa phương thường nhìn NGO một cách nghi ngại vì họ nghĩ rằng “phi chính phủ” hàm ý không có hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của chính phủ. Điều này phản ánh sự thiếu hụt nghiêm trọng về thông tin cần phải được cải thiện nhanh chóng và cũng cho thấy rõ quan điểm phổ biến trong chính phủ là các tổ chức xã hội dân sự cần phải được kiểm soát thay vì được khuyến khích.

Trong một môi trường như vậy sẽ không ngạc nhiên khi việc thiết lập các mối quan hệ gắn gũi với cơ quan chức năng ở các cấp khác nhau là yếu tố sống còn trong chiến lược của hầu hết các tổ chức và cũng là yếu tố quyết định thành công cho các hoạt động trong chương trình của họ. Phần lớn các CSO dù ở Hà Nội (78%) hay TPHCM (76%) đều nhấn mạnh rằng làm việc với chính phủ là một trong các mục tiêu ưu tiên của họ. Những người trả lời cũng hiểu rõ tầm quan trọng của việc tạo dựng sự hiểu biết lẫn nhau và thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan chính quyền.

Nhiều CSO gặp khó khăn khi tiếp xúc với các cơ quan chính quyền lần đầu, đặc biệt là ở cấp địa phương. Tuy nhiên điều này có xu hướng được cải thiện sau khi thiết lập được mối quan hệ công việc tốt đẹp và đạt được sự hiểu biết lẫn nhau; 72% tổ chức tại Hà Nội và 76% ở TPHCM nói rằng họ nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ chính quyền địa phương. Tuy nhiên 22% số tổ chức ở Hà Nội và 10% ở TPHCM chọn phương án trả lời “Không biết” khi được hỏi về mối quan hệ của họ với chính quyền, có lẽ bởi họ coi điều này là nhạy cảm.

Biểu 6: Quan hệ với chính quyền trung ương



Về quan hệ với chính quyền cấp trung ương, một nửa số CSO ở TPHCM không tiếp xúc với các bộ ngành trung ương so với 26% ở Hà Nội. Chỉ có 32% các CSO ở TPHCM cho rằng quan hệ với các cơ quan trung ương là hữu ích, trong khi đến 54% tổ chức ở Hà Nội khẳng định như vậy. Một lần nữa điều này không ngạc nhiên do khoảng cách địa lý của các CSO ở

TPHCM với các cơ quan trung ương của chính phủ cũng như do tỷ lệ các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực vận động chính sách ở Hà Nội cao hơn hẳn.

Quan hệ tương tác với khu vực tư nhân

Cùng với sự tăng trưởng của khu vực tư nhân ở Việt Nam, vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) trở nên ngày càng nổi bật. Các doanh nghiệp nhận thấy CSR có thể giúp họ khuếch trương thương hiệu của mình, bao gồm cả các hoạt động quyên góp từ thiện. Nhiều CSO đã nhắm đến khu vực tư nhân, chủ yếu là để tìm kiếm nguồn tài trợ cho các chương trình của mình, tuy nhiên khu vực tư nhân cũng ngày càng được xem như một nhóm có quyền lợi liên quan đầy ảnh hưởng có thể có tác động mạnh mẽ đến cộng đồng. Hơn một nửa số CSO được phỏng vấn ở Hà Nội và TPHCM cho biết họ có quan hệ với khu vực tư nhân.

Có thể thấy khá rõ trong các câu trả lời từ các cuộc phỏng vấn ở Hà Nội và TP HCM các hình thức khác nhau trong quan hệ giữa CSO và khu vực tư nhân. Các CSO ở TPHCM (42%) coi các doanh nghiệp như các nhà tài trợ nhiều hơn ở Hà Nội (chỉ 24%). Các CBO, nhất là trong lĩnh vực từ thiện coi doanh nghiệp là nguồn tài trợ chính và tìm cách huy động tiền thông qua các mối quan hệ cá nhân. Chẳng hạn Câu lạc bộ Trẻ tự kỷ ở Hà Nội thường kêu gọi tài trợ từ

Petrolimex, một tập đoàn xăng dầu lớn, hoặc các công ty xây dựng để có nguồn trợ giúp tài chính cho các hoạt động của mình. Các CSO ở Hà Nội nhấn mạnh hơn đến vai trò của các doanh nghiệp như khách hàng/đối tác trong việc cung cấp các sản phẩm phát triển. Thêm vào đó do các tổ chức ở đây tập trung chủ yếu vào các vấn đề liên quan đến chính sách, họ cũng coi doanh nghiệp như mục tiêu để vận động trong các lĩnh vực như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và bảo vệ môi trường.

3.4 Mạng lưới hoạt động

Giữa các CSO thường xuyên có sự tương tác với nhau tại các cấp khác nhau nhằm kết nối mạng lưới, chia sẻ thông tin và hợp tác cùng nhau trong các chương trình hoạt động. 92% tổ chức ở Hà Nội và 90% tổ chức ở TPHCM nói rằng họ thường xuyên gặp gỡ các tổ chức tương tự để xây dựng quan hệ hợp tác, trong khi 68% tổ chức ở Hà Nội và 74% tổ chức ở TPHCM cho biết họ đang hợp tác với các tổ chức khác để thực hiện các chương trình dự án.

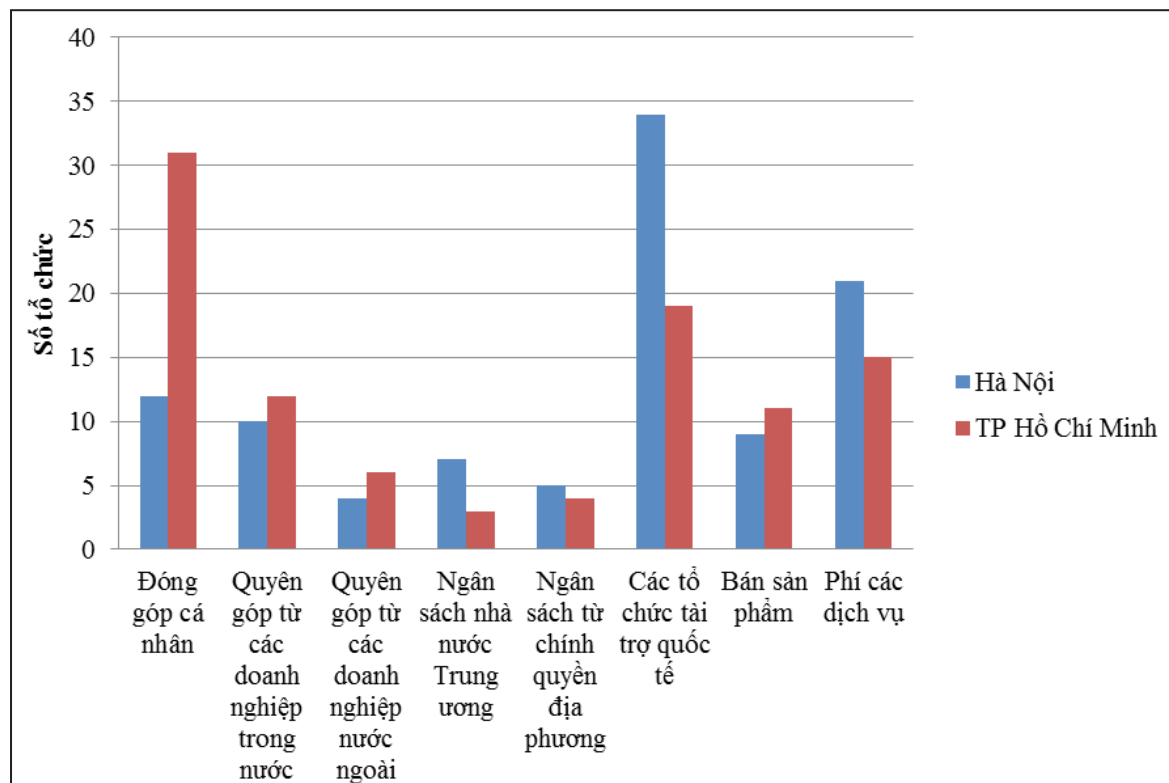
Có nhiều mạng xã hội dân sự phi chính thức ở Việt Nam, bao gồm Nhóm công tác về Chất độc màu da cam, Nhóm công tác về Quyền trẻ em, Nhóm công tác về Biến đổi Khí hậu, Nhóm công tác về Người khuyết tật, Nhóm công tác về Dân tộc Thiểu số, Nhóm công tác về Tín dụng Vi mô, và Nhóm công tác về Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên. Tuy nhiên hầu hết các tổ chức trong khảo sát của chúng tôi tham gia vào các mạng này với tư cách người quan sát nhiều hơn là thành viên tích cực trong đó. Khoảng 80% các tổ chức được hỏi ở Hà Nội và TPHCM nói rằng họ là thành viên của ít nhất một mạng lưới, tuy nhiên khi hỏi về mức độ tham gia thì một phần tư trong số đó trả lời rằng họ hiếm khi hoặc chưa bao giờ tham gia vào các cuộc họp của mạng, 28% các CSO ở Hà Nội và 40% ở TPHCM nói rằng họ đôi khi có tham gia các cuộc họp đó. Những người được phỏng vấn cũng cho biết hầu hết các hoạt động của các mạng lưới đều tập trung vào chia sẻ thông tin, tuy nhiên nhiều người cảm thấy các cuộc họp đó không thật hữu ích do thiếu một chiến lược hay một cách thức làm việc rõ ràng. Các mạng lưới được điều hành và hỗ trợ bởi các INGO nhìn chung được cho là có hiệu quả hơn.

Không ngạc nhiên khi những người không tham gia vào các mạng lưới có xu hướng đánh giá thấp mức độ hiệu quả của chúng. Một số người than phiền rằng các mạng lưới như vậy hay có xu hướng phân biệt đối xử với các tổ chức mới và chuyển các cơ hội cũng như nguồn tài trợ cho các thành viên cốt lõi nhiều hơn. Những người khác cho rằng nhiều tổ chức tham gia chỉ để thu thập thông tin và các đại diện của họ đến dự họp thường không đóng góp gì cho cuộc họp cũng như hoạt động chung của mạng lưới. Trong khi đó những tổ chức cho rằng các mạng lưới hoạt động hiệu quả nói rằng chúng hữu ích trong việc chia sẻ thông tin, phát triển cơ hội hợp tác và thu hút tiền tài trợ.

3.5 Tài trợ

Các nguồn tài trợ

Biểu 7: Các nguồn tài trợ



Như đã chỉ ra trên Biểu 7, các nguồn tài trợ của CSO khá đa dạng, từ các đóng góp cá nhân, quyên góp từ khu vực tư nhân, đến các dự án của chính phủ cấp trung ương và địa phương, nhà tài trợ quốc tế, tiền bán hàng hóa và phí dịch vụ.

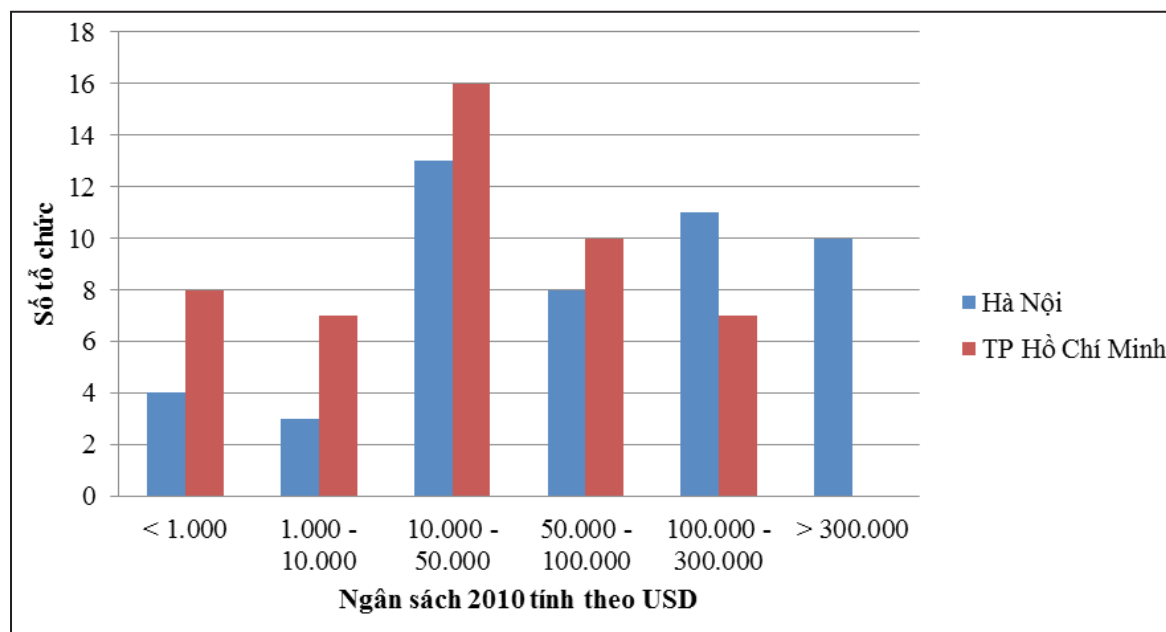
Sự khác biệt lớn nhất giữa nguồn tài trợ cho CSO ở Hà Nội so với TPHCM nằm ở nguồn tiền sẵn có từ các nhà tài trợ quốc tế. 72% các tổ chức ở Hà Nội được khảo sát đã từng có cơ hội sử dụng nguồn tiền này, bao gồm 9/10 viện nghiên cứu trong mẫu khảo sát. Trong khi đó các CSO ở TPHCM tỏ ra tích cực hơn trong việc tìm kiếm tài trợ từ các cá nhân. Sự tham gia của khu vực tư nhân trong các hoạt động nhân đạo ở TPHCM cũng cao hơn như cho thấy trong báo cáo của Quỹ Châu Á năm 2011 về hoạt động nhân đạo ở Việt Nam, với số tiền đóng góp vượt trội của các công ty ở TPHCM so với ở Hà Nội⁶.

Mặc dù vai trò của hoạt động nhân đạo trong phát triển xã hội dân sự đang gia tăng, quy mô của các khoản quyên góp cá nhân nói chung vẫn còn nhỏ bé. Tuy thế ngày càng có nhiều tổ chức tách ra khỏi các mô hình tài trợ xã hội dân sự truyền thống để đa dạng hóa các nguồn thu của mình. Một số lớn các tổ chức ở cả Hà Nội và TPHCM đang áp dụng các chiến lược hướng ra thị trường như bán hàng và lấy phí dịch vụ để tăng cường cơ sở tài chính của họ.

⁶ Xem Quỹ Châu Á và Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương Việt Nam, Hoạt động nhân đạo ở Việt Nam (Hà Nội, 2011)

An toàn tài chính

Biểu 8: Ngân sách của các CSO được khảo sát cho năm 2010 (theo USD)



Tài trợ là vấn đề đáng quan tâm đối với hầu hết các CSO, nhất là các CBO có xu hướng hoạt động theo kiểu vụ việc (ad hoc), phát triển các hoạt động chỉ khi huy động được nguồn tài trợ và phụ thuộc vào những tình nguyện viên. Với mô hình hoạt động như vậy các CBO ở cả Hà Nội và TPHCM đều khá rủi ro với 15/38 tổ chức có ngân sách hàng năm dưới 10.000\$. Hơn thế nữa, một số đáng kể các tổ chức trong mẫu khảo sát đang hoạt động với mức ngân sách hết sức mỏng, chỉ từ 1.000\$ trở xuống, số này chiếm 8% các CBO ở Hà Nội và 16% ở TPHCM.

Những tổ chức được phỏng vấn đã đưa ra một số nguyên do dẫn đến tình trạng tài chính thiếu hụt như vậy. Những người lãnh đạo của các tổ chức này thường là cán bộ nhà nước đã nhiều tuổi, đang nghỉ hưu và không còn đủ nhiệt tình cũng như khả năng để huy động nguồn tài trợ trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế. Các tổ chức phụ thuộc hoàn toàn vào phí hội viên hoặc các khoản đóng góp cá nhân thường không đủ tiền để thanh toán chi phí của chính mình. Các tổ chức không có hướng đi rõ ràng cho chương trình của mình cũng tỏ ra kém cạnh tranh hơn.

Mức ngân sách trung bình hàng năm của CSO trong mẫu khảo sát nằm trong khoảng từ 10.000\$ đến 50.000\$, tuy nhiên cũng có một số đáng kể các tổ chức hoạt động ở mức ngân sách cao hơn, trong các khoảng 50.000\$-100.000\$ và 100.000\$-300.000\$. Ở các mức ngân sách cao hơn, đặc biệt là mức trên 300.000\$, các viện ở Hà Nội chiếm đa số.

Nghiên cứu tình huống số 4: Trung tâm Khuyết tật và Phát triển (DRD)

DRD được thành lập ở TPHCM vào tháng 12 năm 2005 dưới hình thức một chương trình trong khuôn khổ Phòng Công tác Xã hội, trường Đại học Mở TPHCM, với mục tiêu khuyến khích người khuyết tật tự tin vào bản thân và tích cực tham gia vào mọi lĩnh vực cuộc sống xã hội. Ngay từ khi mới được thành lập DRD đã hoạt động như một chương trình độc lập dưới sự quản lý của trường Đại học Mở TPHCM là nơi trực tiếp đứng ra nhận tài trợ không hoàn lại trên danh nghĩa DRD. Tuy nhiên những quy chế tài chính phức tạp khiến tổ chức này phải thực hiện hoàn chỉnh một quá trình khá gian truân để nhận được tiền tài trợ từ tổ chức nước ngoài, bao gồm cả việc xin phép trường Đại học Mở cũng như Bộ Giáo dục Đào tạo (MOET) và điều này luôn làm chậm tiến độ thực hiện dự án. Chỉ sau khi họ đăng ký hoạt động với VUSTA năm 2010 DRD mới có thể nhận trực tiếp số tiền 1 triệu đô la Mỹ từ các nhà tài trợ nước ngoài. Các nhân viên của tổ chức này ghi nhận sự hỗ trợ từ VUSTA trong quản lý tài chính là hết sức hữu hiệu, bởi cơ quan này đã giúp giải quyết suôn sẻ các vấn đề phức tạp không đáng có. Kết quả là DRD đã có thể mở rộng phạm vi hoạt động của mình ra ngoài phạm vi TPHCM và lan khắp cả khu vực miền Nam, nhờ đó họ đã đóng một vai trò quan trọng như một tổ chức kết nối và tư vấn cho các VNGO làm việc trong lĩnh vực về người tàn tật.

Tác động từ sự góp mặt của nhà tài trợ quốc tế

Các nhà tài trợ quốc tế đóng một vai trò quan trọng trong hỗ trợ xã hội dân sự ở Việt Nam cả về khía cạnh kỹ thuật lẫn tài chính. 53 tổ chức trong mẫu khảo sát nhận được sự hỗ trợ này theo hình thức này hoặc hình thức khác. Trong số đó 34 tổ chức nói rằng họ sẽ chịu tác động đáng kể hoặc sẽ có khủng hoảng trong tổ chức nếu nguồn tài trợ này bị cắt.

Các CSO nhận tài trợ từ các tổ chức quốc tế đánh giá rất cao tác động tích cực từ các nhà tài trợ này. Như chỉ ra trong Bảng 9 dưới đây, các tổ chức nhận tài trợ thường công nhận rằng sự sẵn có của tiền tài trợ là yếu tố quan trọng nhất, nhưng đồng thời cũng cho rằng hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực tổ chức là những đóng góp quan trọng.

Bảng 9: Các tác động từ sự góp mặt của các nhà tài trợ quốc tế lên xã hội dân sự ở Việt Nam

	Hà Nội (34)	TPHCM (19)	Tuy nhiên những người được hỏi trong khảo sát cũng chỉ ra một số những tác động tiêu cực khi có sự góp mặt của các nhà tài trợ quốc tế. Có hai vấn đề chính thường được các tổ chức này nêu ra. Thứ nhất và rõ rệt nhất là cuộc cạnh tranh không cân bằng để giành được các nhân viên giỏi. Các tổ chức quốc tế không chỉ đưa ra mức thù lao hấp dẫn hơn mà còn sử dụng các trang thiết bị tốt hơn, nằm ở những địa điểm thuận tiện hơn, do vậy luôn thu hút được các nhân viên có năng lực và kinh nghiệm. Thứ hai, các CSO cũng than phiền rằng các INGO và các tổ chức tài trợ
<i>Tích cực</i>			
Hỗ trợ phát triển tổ chức và chiến lược	24	13	
Nguồn tài chính quan trọng	32	15	
Khiến chính phủ sẵn sàng hơn trong việc cho phép các VNGO hoạt động	8	9	
<i>Tiêu cực</i>			
INGO cạnh tranh với VNGO để có được các nhân viên giỏi	18	8	
Làm thay đổi ưu tiên của các NGO	11	5	
Khiến chính phủ ngần ngại hơn khi cho phép các VNGO hoạt động	5	0	

quốc tế gây ảnh hưởng đến các vấn đề ưu tiên của CSO bởi họ đưa ra những động cơ tài chính rất mạnh. 31% CSO ở Hà Nội và 26% ở TPHCM coi đây là vấn đề đáng lo ngại.

3.6 Các thách thức và hướng đi trong tương lai

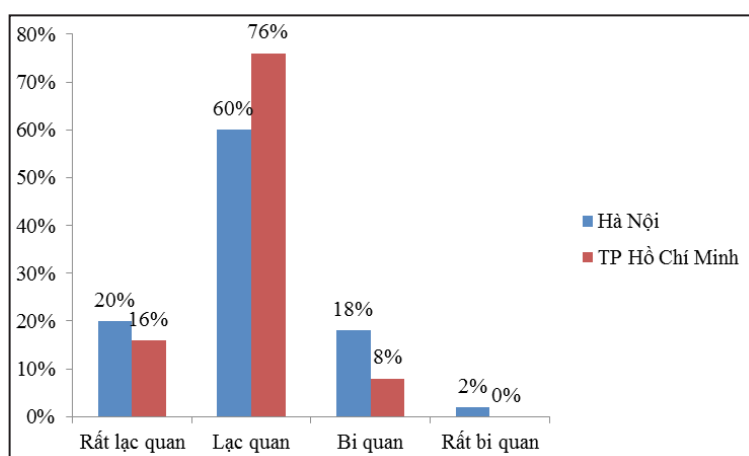
Quy chế hành chính và môi trường pháp lý

Quy chế hành chính và môi trường pháp lý là những thách thức then chốt đối với sự phát triển của các CSO. Các quyết định hành chính gần đây đã làm cho hoạt động của các CSO, đặc biệt là các tổ chức khoa học công nghệ trở nên phức tạp hơn. Trong đó phải kể đến Quyết định số 93/2009/NĐ-CP quy định về quản lý và sử dụng tiền tài trợ phi chính phủ nước ngoài, Quyết định của Thủ tướng số 97/2009/QĐ-TTg quy định các loại tổ chức khoa học và công nghệ có thể được thành lập, Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học Công nghệ quy định chi tiết về việc thành lập, đăng ký và hoạt động của các tổ chức khoa học công nghệ. Các hướng dẫn hành chính mới này một mặt nhấn mạnh đến sự kiểm soát của nhà nước, mặt khác đề cập đến vai trò kỹ thuật của xã hội dân sự và để lại rất ít dư địa cho các CSO tham gia trong các hoạt động rà soát và vận động chính sách. Trong khi các tổ chức đều phải tìm cách thích nghi với các thay đổi này, họ cũng nhận xét rằng nhiều quan chức nhà nước thay đổi thái độ và không tin tưởng vào xã hội dân sự, coi họ như những đối tượng cạnh tranh hoặc làm giảm sút quyền lực của nhà nước thay vì là những đối tác hợp tác trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Sự lạc quan của các CSO

Bất kể nền kinh tế đang đi xuống đe dọa sự sống còn của nhiều CSO cũng như môi trường hoạt động gia tăng thách thức, phần lớn các CSO vẫn tỏ ra tích cực. 86% các tổ chức được khảo sát lạc quan hoặc rất lạc quan về tương lai tổ chức của mình. Tuy nhiên các tổ chức ở Hà Nội trong mẫu khảo sát có chút bi quan hơn so với các đồng nghiệp của họ ở TPHCM.

Biểu 9: Sự lạc quan trong xã hội dân sự Việt Nam



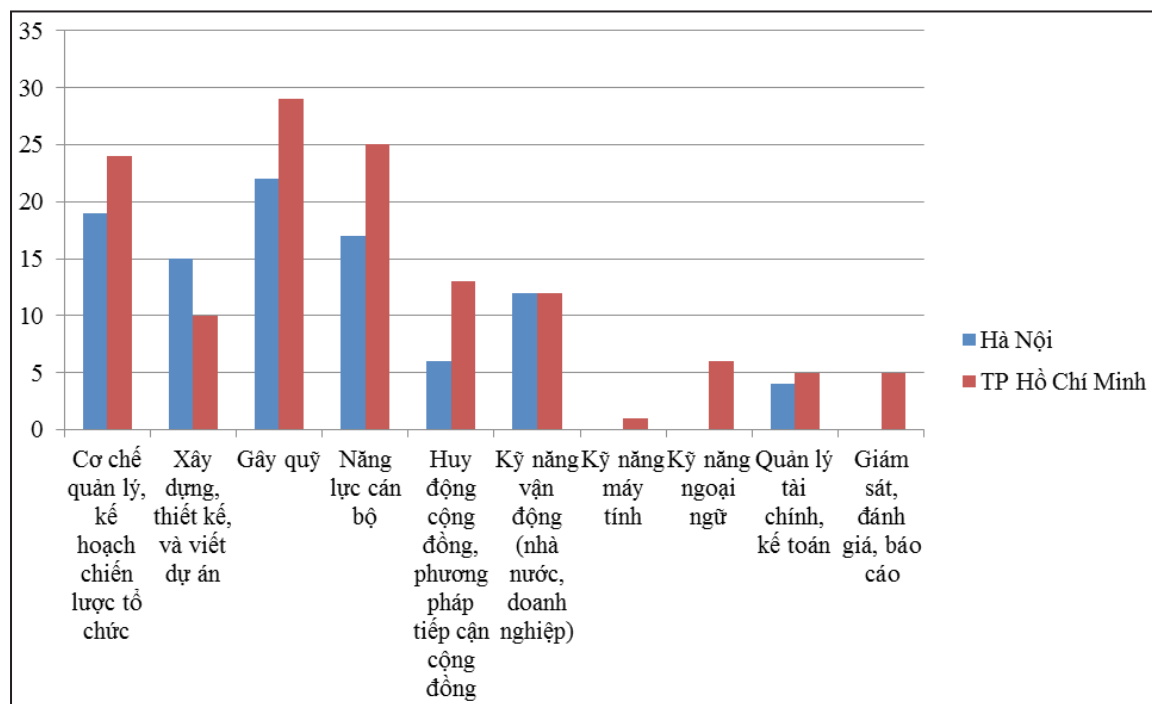
Các lý do để lạc quan có nhiều. 64% tổ chức được khảo sát tin tưởng mạnh mẽ vào hướng đi của tổ chức mình, trong khi 26% lưu ý đến sự tiếp tục rót vốn từ các nhà tài trợ quốc tế ngay cả khi thu nhập trung bình ở Việt Nam tăng lên. 20% tin rằng chính sách của nhà nước đối với xã hội dân sự và NGO đang đi theo hướng tích cực. Nhiều lý do khác cũng được nêu lên, trong đó có các lý do

liên quan đến các vấn đề xã hội được coi là sẽ giúp đề cao các hoạt động của CSO. Các lý do này bao gồm sự gia tăng nhu cầu của người dân/xã hội đối với các công tác xã hội và những người làm công tác xã hội đã qua đào tạo, cũng như những thách thức trước sự gia tăng dân nhập cư ở TPHCM. Sự tin tưởng và hợp tác giữa các nhà tài trợ quốc tế và CSO Việt Nam ngày càng tăng cũng được coi là một dấu hiệu tốt cho tương lai.

Các nhu cầu phát triển tổ chức

Những người trả lời phỏng vấn đã nhận thấy một số thách thức đối với sự phát triển tổ chức của mình.

Biểu 10: Các lĩnh vực cần có sự cải thiện nhiều nhất



Có ba lĩnh vực chính được chỉ ra từ kết quả khảo sát của chúng tôi:

- **Nguồn tài lực:** Huy động tài lực để thực hiện các dự án và ổn định tổ chức được xác định là thách thức rất lớn đối với trên một nửa số CSO được khảo sát. Nhìn chung họ phụ thuộc rất nhiều vào các nhà tài trợ quốc tế và gặp khó khăn khi tham gia đấu thầu các dự án công do thủ tục hành chính rườm rà và sự cần thiết phải có các mối quan hệ cá nhân trong cơ quan chính phủ.
- **Nguồn nhân lực:** CSO phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng và giữ chân các nhân viên có năng lực. Nhiều người coi CSO như một nơi để học hỏi kinh nghiệm, tích lũy kiến thức và quan hệ trước khi họ chuyển sang làm việc cho những nơi khác hấp dẫn hơn và kết quả là tỷ lệ nhân viên thôi việc cao ở CSO có thể dẫn đến sự thiếu ổn định của tổ chức.
- **Quản lý, quản trị tổ chức, hoạch định chiến lược và lập kế hoạch:** 43% các tổ chức được khảo sát xác định cải thiện trong quản lý, quản trị và hoạch định chiến lược là chìa khóa cho sự phát triển sắp tới của mình

4. KẾT LUẬN

Mặc dù có một vị thế còn non trẻ, xã hội dân sự Việt Nam rất phong phú về hình thức tổ chức và hoạt động, các vấn đề trọng tâm và phương pháp tiếp cận. Các tổ chức được khảo sát bao gồm những đơn vị có nguồn ngân sách từ mức chỉ vừa đủ cho hoạt động cho đến các tổ chức lớn quản lý các chương trình giá trị cả triệu đô la Mỹ. Mặc dù có sự ngần ngại chung trên cả khu vực trong việc xác định rõ mục tiêu và các lĩnh vực hoạt động hẹp nhưng vẫn có thể nhận ra các xu hướng của các viện, trung tâm và CBO thông qua trọng tâm hoạt động của các tổ chức này. Các viện vẫn tiếp tục tập trung vào nghiên cứu, tách khỏi các hoạt động thực tiễn đặt trọng tâm vào cộng đồng là lĩnh vực phần lớn các CBO đang đảm nhận.

Các cá nhân lãnh đạo có vai trò chi phối các tổ chức và lĩnh vực chuyên môn của họ là chìa khóa trong việc xác định hướng đi và hoạt động của tổ chức. Trong số các tổ chức hoạt động trên phạm vi toàn quốc có sự chia nhóm giữa những tổ chức có xu hướng đi theo các nhà tài trợ quốc tế về mặt tư duy cũng như tài chính với những tổ chức được lãnh đạo bởi những người thường đã từng là quan chức, gắn với khu vực nhà nước và có khả năng dùng các mối quan hệ và chuyên môn làm đòn bẩy tiếp cận các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước. Chỉ có một số ít các tổ chức cho đến nay đang thành công ở vị trí làm cầu nối giữa hai nhóm trên. Dưới các tổ chức có xu hướng hoạt động trên toàn quốc thì một số lượng đông đảo hơn các CSO nhỏ định vị mình tại địa phương, đáp ứng các nhu cầu địa phương và cố gắng khai thác các mô hình tổ chức cũng như nguồn hỗ trợ khác nhau.

Có những khác biệt theo vùng là kết quả của các xu hướng lịch sử trong các hoạt động hiệp hội và các quan điểm hiện tại, bao gồm cả quan điểm từ chính quyền địa phương. Trong khi các xu hướng này có lẽ được nhấn mạnh trong khảo sát của chúng tôi bởi quá trình chọn mẫu, các tổ chức tại TPHCM quả thực có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các hoạt động cung cấp dịch vụ, xây dựng nền tảng huy động tài trợ đa dạng hơn và chỉ hợp tác, tham gia cùng chính phủ ở cấp địa phương.

Các CSO tiếp tục phải đối mặt với một môi trường đầy thách thức. Các câu trả lời khảo sát nhận được từ cả Hà Nội và TPHCM đều cho thấy mối quan ngại thực sự về vấn đề huy động nguồn tài trợ, nhân sự và quản trị tổ chức. Trong khi số CSO tăng nhanh trong một thập kỷ qua, những thay đổi gần đây trong khuôn khổ pháp lý khiến cho việc đăng ký, hoạt động và thực thi các chương trình trở nên khó khăn hơn. Đồng thời sự đi xuống của nền kinh tế khiến nguồn tài chính đã bấp bênh lại càng bị thắt chặt hơn. Các tổ chức tiếp tục phụ thuộc rất nhiều vào các khoản hỗ trợ quốc tế không hoàn lại. Trên một nửa số tổ chức hiện đang nhận tài trợ quốc tế và trên một phần ba nói rằng sự cắt giảm tài trợ sẽ đưa đến những hậu quả rất nghiêm trọng cho tổ chức của họ.

Bất kể có những thách thức nêu trên, các CSO nhìn chung vẫn có cái nhìn tích cực về triển vọng tổ chức của mình cũng như những đóng góp của tổ chức trong việc giải quyết các vấn đề phát triển. Khảo sát này đã xác định được một vài xu hướng có tiềm năng cho thấy một khu vực chín muồi hơn, hiệu quả hơn, và bền vững hơn trong tương lai. Trong khi việc giữ lại những người giỏi cho khu vực này vẫn còn là một vấn đề khó khăn thì có một dự cảm rằng thế hệ lãnh đạo trẻ được dẫn dắt bởi công nghệ và sự sáng tạo sau khi làm việc tại các INGO trong tương lai sẽ quay trở về làm việc tại các CSO trong nước. Tương tự khảo sát này cũng cho thấy một khu vực đang tích cực khai thác các cơ hội huy động tài trợ khác nhau. Trong khi các sáng kiến chủ yếu là nhỏ và tùy hoàn cảnh, nhiều tổ chức đang khai thác các mô hình hoạt động giúp tiếp cận đa dạng nguồn tài chính trong nước. Thành công ở đây mang tính sống còn đối với sức khỏe của khu vực này trong tương lai. Tương tự, trong khi phát triển tổ chức và lập kế hoạch còn mang tính chấp vá, gần một nửa lãnh đạo các CSO xác định đây là lĩnh vực trọng tâm của

họ trong những năm tới. Trong một môi trường đầy thách thức, khu vực này vẫn giữ sự lạc quan và linh hoạt, tìm kiếm thêm địa bàn hoạt động và tìm cách thích nghi cơ cấu tổ chức và cách tiếp cận của mình với bối cảnh pháp lý và chính sách ở Việt Nam.

Cuối cùng, chúng tôi hy vọng rằng báo cáo này sẽ đóng góp vào cơ sở vốn kiến thức về xã hội dân sự ở Việt Nam đang dần hoàn thiện, tạo điều kiện để hiểu rõ hơn về những đặc thù của các CSO Việt Nam. Vốn kiến thức rộng hơn và các thảo luận về động lực ở đây sẽ giúp các CSO xem xét lại các hoạt động riêng của mình trong bối cảnh rộng lớn hơn của phát triển xã hội dân sự và đồng thời cũng giúp những người đang tìm cách hỗ trợ CSO ở Việt Nam có được một chiến lược tốt hơn để làm điều đó. Các CSO ở Việt Nam đang cung cấp một nguồn năng lượng và kinh nghiệm chuyên môn rất lớn có thể hỗ trợ đắc lực cho chính phủ Việt Nam trong việc giải quyết các thách thức phát triển nghiêm trọng mà đất nước phải đối mặt trong thế kỷ 21.

DANH MỤC THAM KHẢO

- Ben Kerkvliet, Nguyễn Quang A, Bạch Tân Sinh. 2008. *Forms of engagement between State Agencies and Civil society in Vietnam* (Các hình thức tham gia/hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và xã hội dân sự Việt Nam), VUFO – Trung tâm nguồn lực NGO, Hà Nội.
- Carlyle A. Thayer. 2008. *One-party rule and the challenge of civil society in Vietnam* (Hệ thống một Đảng lãnh đạo và thách thức của xã hội dân sự tại Việt Nam). Báo cáo được trình bày tại hội thảo trường City University of Hong Kong, Hong Kong.
- Carlyle A. Thayer. 2009. *Vietnam and the challenge of civil political society* (Việt Nam và thách thức của xã hội dân sự chính trị), <http://www.viet-studies.info>.
- CIVICUS, VIDS, SNV, UNDP. 2006. *The Emerging Civil Society: An initial assessment of Civil Society in Vietnam* (Xã hội dân sự đang nổi: đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam), Hà Nội.
- Gita Sabharwal và Thân Thị Thiên Hương. 2005. *Civil society in Vietnam: Moving from the margins to the Mainstream* (Xã hội dân sự tại Việt Nam: chuyển từ cận biên vào dòng chính), Civicus, <http://www.globalpolicy.org/ngos/state/2005/07vietnam.htm>. <http://www.legislationline.org/documents/action/popup/id/7845>.
- Joseph Hannah. 2007. *Local Non-Government Organizations in Vietnam: Development, Civil Society and State-society Relations* (Các tổ chức phi chính phủ địa phương ở Việt Nam: sự phát triển, xã hội dân sự và quan hệ nhà nước – xã hội), <http://faculty.washington.edu>.
- Mark Sidel. *Maintaining Firm Control: Recent Development in Nonprofit Law and regulation in Vietnam* (Duy trì sự kiểm soát: chuyển biến mới đây trong Luật phi lợi nhuận và các quy định tại Việt Nam), http://ecbiz108.inmotionhosting.com/~icnlor5/research/journal/vol12iss3/art_1.htm
- Michael L. Gray. *Creating civil society? The emergences of NGOs in Vietnam, Development and Change* (Tạo lập xã hội dân sự? Sự xuất hiện của các NGO tại Việt Nam. Phát triển và thay đổi), 10/1998.
- Nguyễn Ngọc Lâm. 2007. *Legal Regulations on Organization, Management of Association, and Measures of refinement* (Quy định pháp lý về tổ chức, quản lý các hiệp hội và các biện pháp sàng lọc) Bài trình bày tại hội thảo được tổ chức bởi Dự án Hỗ trợ Cải cách Tư pháp, Hà Nội.
- Russell J. Dalton, Nhu-Ngoc T. Ong. 2005. *Civil society and social capital in Vietnam* (Xã hội dân sự và vốn xã hội ở Việt Nam), <http://www.democ.uci.edu>.
- Thang Văn Phúc. 2010. “*Tổng quan về hội, tổ chức phi chính phủ và thể chế pháp lý cho các tổ chức xã hội ở Việt Nam*” (An Overview of Associations, NGOs, and Legal Framework for Social Organizations in Vietnam). Bài trình bày tại hội thảo các tổ chức phi chính phủ thường niên do Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức tại Hà Nội.
- Quỹ Châu Á, 2008. *Training Needs Assessment of Civil Society Organizations in Vietnam: Organizational Development and Community Mobilization in the Policy and Law-making Process* (Đánh giá nhu cầu đào tạo của các tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam: Phát triển tổ chức và huy động cộng đồng trong quá trình hoạch định luật pháp và chính sách), Hà Nội.
- Quỹ Châu Á. 2008. *Evaluation of the Civil Society Empowerment Program* (Đánh giá chương trình Trao quyền cho xã hội dân sự), Hà Nội.
- UNDP. 2006. *Deepening Democracy and Increase popular participation in Vietnam* (Đẩy mạnh chiều sâu dân chủ và tăng cường sự tham gia của người dân ở Việt Nam), Hà Nội.

PHỤ LỤC: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

Phạm vi của nghiên cứu

Nghiên cứu này nhắm đến các tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam, các VNGO và các CBO (như đã định nghĩa ở Phần 1) ở hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Tại mỗi thành phố, 50 NGO/CBO được lựa chọn cho khảo sát và phỏng vấn. Cuộc khảo sát đã tìm kiếm và thu thập các thông tin về:

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và nhân sự;
- Trọng tâm chương trình và các cách tiếp cận;
- Sự tham gia hợp tác cùng với các khu vực khác (chính quyền và doanh nghiệp);
- Mạng lưới hoạt động;
- Nguồn tài trợ;
- Các thách thức và hướng đi trong tương lai.

Chọn mẫu

Dự án đã thành lập một tổ nghiên cứu ở Hà Nội và một tổ khác ở TPHCM. Hai tổ này đều bao gồm các nhà nghiên cứu hàng đầu giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực xã hội dân sự ở Việt Nam, cùng với sự hỗ trợ của các nhà nghiên cứu trẻ.

Mỗi tổ sau đó lên danh sách các NGO và CBO tại các thành phố tương ứng của mình. Do không có một cơ sở dữ liệu nào có đầy đủ thông tin về tất cả các NGO và CBO nên các tổ đã thu thập từ nhiều thư mục khác nhau về các tổ chức này để có được một danh sách mang tính đại diện khá thực tế cho các NGO và CBO tại Hà Nội và TPHCM.

Các thư mục được sử dụng bao gồm thư mục của các tổ chức sau:

- Quỹ Châu Á
- Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA),
- Hội nghiên cứu Khoa học Đông Nam Á (SEARAV),
- Liên minh các hợp tác xã,
- Sở Khoa học Công nghệ Hà Nội và TPHCM
- Thư mục Công giáo 2011 về các hoạt động xã hội tại TPHCM
- Các trang chủ thông tin trên mạng của một số hiệp hội, trường đại học và các tổ chức quần chúng.

Để chọn ra mẫu đại diện cho phỏng vấn, các tổ nghiên cứu đã xếp danh sách các tổ chức xã hội, khoa học công nghệ (gọi chung là các VNGO) tại Hà Nội và TPHCM vào ba tập hợp:

- Trung tâm,
- Viện,
- Các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBO), bao gồm các câu lạc bộ, các nhóm xã hội, mạng lưới các chuyên gia và cá nhân có các mối quan tâm chung, nhu cầu chung hoặc vị thế tương đồng.

Tổng cộng hai tổ nghiên cứu đã xác định được 607 VNGO tại Hà Nội (trong đó có 471 trung tâm, 121 viện và 15 CBO/câu lạc bộ/nhóm) và 223 VNGO tại TPHCM (bao gồm 47 trung tâm, 15 viện và 161 CBO/câu lạc bộ/nhóm). Chúng tôi hiểu rằng mẫu này vẫn chưa bao gồm tất cả các loại hình tổ chức VNGO tại Hà Nội và TPHCM, tỷ lệ giữa các loại hình tổ chức ở đây cũng có thể chưa phản ánh đúng được bức tranh thực tế. Chẳng hạn trong khi nhiều CBO/câu lạc bộ/nhóm đang hoạt động tại Hà Nội không được liệt kê ở đây thì nhóm nghiên cứu đánh giá rằng số các tổ chức như vậy không được liệt kê tại TPHCM còn nhiều hơn nữa và do vậy tỷ lệ ở đây chỉ được coi là tạm đúng.

Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống được sử dụng để chọn ra 50 tổ chức tại Hà Nội và 50 tổ chức khác tại TPHCM từ ba tập hợp theo phân loại ở trên. Mẫu sau đó được điều chỉnh để bảo đảm có thể thu thập đủ số liệu để phân tích cho mỗi loại tổ chức trong khi cũng bảo đảm rằng mẫu phản ánh đúng theo đánh giá của nhóm nghiên cứu về tỷ lệ tương ứng giữa các loại tổ chức đang hoạt động tại mỗi thành phố.

Hà Nội							
Loại tổ chức	Tổng số VNGO tại Hà Nội	% trên tổng số	Mẫu trước khi điều chỉnh		Mẫu cuối cùng sau khi điều chỉnh		
			Phỏng vấn	% theo phân loại	% trên tổng số	Phỏng vấn được thực hiện	% theo phân loại
Trung tâm	471	78%	39	8%	70%	35	7%
Viện	121	20%	10	8%	20%	10	8%
CBO, câu lạc bộ, nhóm và mạng lưới xã hội	15	2%	1	7%	10%	5	33%
<i>Tổng số</i>	<i>607</i>	<i>100%</i>	<i>50</i>	<i>n/a</i>	<i>100%</i>	<i>50</i>	<i>n/a</i>

TPHCM							
Loại tổ chức	Tổng số VNGO tại TPHCM	% trên tổng số	Mẫu trước khi điều chỉnh		Mẫu cuối cùng sau khi điều chỉnh		
			Phỏng vấn	% theo phân loại	% trên tổng số	Phỏng vấn được thực hiện	% theo phân loại
Trung tâm	47	21%	11	23%	26%	13	28%
Viện	15	7%	3	20%	8%	4	27%
CBO, câu lạc bộ, nhóm và mạng lưới xã hội	161	72%	36	22%	66%	33	21%
<i>Tổng số</i>	<i>223</i>	<i>100%</i>	<i>50</i>	<i>n/a</i>	<i>100%</i>	<i>50</i>	<i>n/a</i>

Phỏng vấn

Đã có 100 cuộc phỏng vấn theo bảng hỏi được thực hiện. Tiếp đó là 20 cuộc phỏng vấn sâu tại Hà Nội và 17 cuộc phỏng vấn sâu ở TPHCM nhằm khai thác thêm các vấn đề được phát hiện từ các cuộc phỏng vấn qua bảng hỏi. Một số phỏng vấn sâu được thực hiện ngay sau phỏng vấn qua bảng hỏi. Số khác được thực hiện trong đợt phỏng vấn lần thứ hai. Tất cả các cuộc phỏng vấn này đều được tiến hành trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011.

Các hạn chế và trở ngại

Chúng tôi không thể liên lạc được hoặc bị từ chối trả lời câu hỏi từ 35 VNGO tại Hà Nội và 18 VNGO tại TPHCM với các lý do là không quan tâm hoặc vì các tổ chức đó muốn xin phép tổ chức bảo trợ của họ. Do thời gian của công việc không nhiều nên chúng tôi đã thay các tổ chức này bằng các VNGO gần kề. Tại TPHCM, nhóm nghiên cứu dự định phỏng vấn 5 viện nhưng chỉ 4 trong số đó được phỏng vấn. Chúng tôi đã thay viện thứ năm bằng một CBO.

Một số vấn đề nêu trong bảng câu hỏi là nhạy cảm. Nhiều người được phỏng vấn đã tỏ ra ngần ngại và không muốn trả lời các câu hỏi đó một cách rõ ràng và đầy đủ.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
Ngõ Hòa Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

The Asia Foundation
Xã hội dân sự tại Việt Nam:
Nghiên cứu so sánh về các tổ chức xã hội dân sự tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh
Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Hoàng Cầm
Biên tập và sửa bản in: Ban biên tập Nhà xuất bản
Trình bày: Công ty TNHH L.U.C.K H.O.U.S.E
Vẽ Bìa: Công ty TNHH L.U.C.K H.O.U.S.E

In 200 bản tiếng Việt và 200 bản tiếng Anh,
khổ (cm) 20,5 x 29,5 cm tại Công ty TNHH L.U.C.K H.O.U.S.E
Giấy đăng ký KHXB số: 1571-2012/ CXB/2-35/LDXH
Quyết định xuất bản số: 08/QDLK - NXBLDXH của Giám đốc NXBLDXH ngày 04/01/2013
In ấn và nộp lưu chiểu quý I năm 2013

